

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

HOÀNG MAI LƯƠNG

**CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật Kinh tế*  
*Mã số: 60 38 50*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. PHẠM THỊ GIANG THU*

**HÀ NỘI - 2013**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

NGƯỜI CAM ĐOAN

**Hoàng Mai Lương**

## ***Lời cảm ơn!***

====\*\*====

*Trong thời gian học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại nhà trường, tôi đã nhận được sự quan tâm, dạy bảo và hướng dẫn tận tình của các thầy cô giáo giảng dạy tại Khoa Luật trường Đại học Quốc Gia Hà Nội. Để đạt được kết quả như ngày hôm nay, tôi xin được gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến Ban Giám Hiệu nhà trường, các thầy cô giáo trong Khoa Luật đã không quản công sức truyền đạt cho chúng tôi những kiến thức mới, mở ra những hướng đi, những đề tài nghiên cứu ứng dụng sâu trong thực tiễn.*

*Và hơn hết tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Phạm Thị Giang Thu, người đã tận tình giúp đỡ tôi để tôi có thể hoàn thành bài luận văn một cách tốt đẹp nhất.*

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2013

***Người viết***

**Hoàng Mai Lương**

# MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Mục lục

Ký hiệu viết tắt

Danh mục các bảng biểu

**MỞ ĐẦU** ..... 1

## **Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ PHÁP**

**LUẬT VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN** ..... 6

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ..... 6

1.1.1. Khái quát về thuế thu nhập cá nhân ..... 6

1.1.2. Khái quát về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ..... 8

1.2. LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ..... 14

1.2.1. Nguyên tắc xây dựng căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ..... 14

1.2.2. Nội dung pháp luật về căn cứ tính thu nhập cá nhân ..... 19

## **Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ**

**THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM** ..... 28

2.1. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM ... 28

2.2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ TNCN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM ..... 31

2.2.1. Quy định pháp luật về căn cứ tính thuế theo pháp luật Việt Nam ..... 31

2.2.2. Đánh giá những mặt tích cực các quy định pháp luật Việt Nam về căn cứ tính thuế ..... 50

2.2.3. Những hạn chế còn tồn tại trong quy định pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ..... 61

<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ</b>	
<b>CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM...</b>	<b>74</b>
3.1. GIẢI PHÁP VỀ XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.....	74
3.2. GIẢI PHÁP XÁC ĐỊNH THU NHẬP MIỄN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.....	78
3.3. GIẢI PHÁP VỀ MỨC KHỞI ĐIỂM CHỊU THUẾ VÀ THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.....	80
3.4. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CỔ TỨC .....	82
3.5. GIẢI PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHI TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN .....	89
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>94</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>95</b>

## KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Tên đầy đủ
1	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
2	ETF	Là một hình thức quỹ đầu tư chỉ số
3	GDP	Tổng sản phẩm nội địa
4	NLĐ	Người lao động
5	NĐT	Nhà đầu tư
6	OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (Organization of Economic Cooperation And Development)
7	OTC	Thị trường chứng khoán phi tập trung
8	TNCN	Thu nhập cá nhân
9	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
10	TTCK	Thị trường chứng khoán
11	VAT	Thuế giá trị gia tăng

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1: Ví dụ minh họa một trường hợp đánh thuế thu nhập cá nhân từ đồng thu nhập đầu tiên .....	12
Biểu 1.2: Biểu thuế suất dành cho cá nhân cư trú của Malaysia .....	17
Biểu 1.3: Biểu thuế dành cho thu nhập từ tiền lương tiền công của Trung Quốc .....	18
Biểu 2.1: Biểu thuế lũy tiến từng phần .....	46
Biểu 2.2: Biểu so sánh chiết giảm gia cảnh với thu nhập quốc dân bình quân đầu người của các nước và Việt Nam.....	47
Biểu 2.3. So sánh số thuế phải nộp theo luật thuế TNCN với một số nước trong khu vực .....	48
Biểu 2.4. Biểu thuế suất toàn phần .....	49
Biểu 3.1: So sách mức độ giãn cách giữa các bậc thuế cho thấy .....	81

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ lâu, ở các quốc gia phát triển trên thế giới thuế thu nhập cá nhân đã được xem là “trung tâm” của các loại thuế. Xét về góc độ phát triển, thuế thu nhập cá nhân thể hiện mức độ phát triển và trình độ văn minh của mỗi quốc gia. Trong nền kinh tế thị trường, thuế thu nhập cá nhân được coi là công cụ phân phối thu nhập đảm bảo công bằng xã hội giữa các cá nhân thuộc các tầng lớp dân cư trong xã hội, đảm bảo nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước và góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Một quốc gia chỉ được coi là ở đỉnh cao của nền văn minh nhân loại khi thu nhập được phân phối công bằng hợp lý và mỗi người dân thấy được trách nhiệm và lợi ích của hành vi nộp thuế thu nhập của mình.

Trong Nghị Quyết Đại hội Đảng IX và X đã nêu rõ: “*Áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội, tạo động lực phát triển*”[4]. Để đạt được điều đó Nghị Quyết cũng đặt ra định hướng rõ ràng: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ... Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm và ổn định thuế suất, mở rộng đối tượng thu, điều tiết hợp lý thu nhập*” [4]. Cụ thể hoá Nghị quyết đại hội Đảng, năm 2007, Luật thuế thu nhập cá nhân được ban hành thay thế cho Pháp Lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 2001 đã chính thức có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2009 mở ra một giai đoạn mới cho việc áp dụng thuế thu nhập ở Việt Nam.

Trong luật thuế mới, quy định về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân đã chứng tỏ được những ưu thế vượt trội so với pháp lệnh cũ phần nào dung hòa lợi ích của Nhà nước và người nộp thuế, trong một khoảng thời gian nhất định



đã mang lại nhiều kết quả đáng kể. Tuy nhiên, sau năm năm đi vào thực tiễn, do sự biến đổi không ngừng của nền kinh tế và những yếu tố xã hội mang tính chất toàn cầu, căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân dần bộc lộ nhiều hạn chế gây nên những phản ứng tiêu cực trong xã hội đòi hỏi cần được nhanh chóng khắc phục. Mong muốn được tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này nhằm tìm ra nguyên nhân và hướng giải quyết cho thực trạng trên, chính là lí do tôi chọn đề tài: ***“Căn cứ tính thuế Thu nhập cá nhân theo pháp luật Việt Nam”*** để trình bày trong luận văn tốt nghiệp.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Luật thuế thu nhập cá nhân trong một thời gian dài là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu, nhà viết sách và các tạp chí lựa chọn. Với những quy định mới mẻ, Luật thuế thu nhập cá nhân là nguồn khai thác của nhiều học giả để cho ra những đề tài nghiên cứu chuyên sâu có giá trị khoa học, điển hình như: Thuế thu nhập cá nhân thu như thế nào (Ts. Lê Nét, 2007); Thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay và phương hướng hoàn thiện (Ths.Trần Vũ Hải, 2007); Một số vấn đề về nguyên tắc công bằng trong pháp luật về thuế thu nhập cá nhân (Trần Minh Đức, 2008); Về giảm trừ gia cảnh trong luật thuế thu nhập cá nhân nhìn từ góc độ bình đẳng giới (Nguyễn Thị Lan, 2008)...

Ngày 01 tháng 01 năm 2009, Luật thuế thu nhập cá nhân chính thức có hiệu lực và được đưa vào áp dụng thực tiễn. Sau năm năm được áp dụng, Luật thuế thu nhập cá nhân chứng tỏ được những điểm mạnh, những cải tiến rõ rệt so với Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Tuy nhiên, cũng trong thời gian ấy, Luật thuế đã bộc lộ không ít hạn chế gây khó khăn cho việc áp dụng và thi hành. Nhiều đề tài khoa học đã đào sâu, nghiên cứu những hạn chế bất cập này, cụ thể như: Những vấn đề đặt ra khi thực thi luật thuế thu nhập cá nhân Việt Nam (Ts. Lê Thị Thu

Thủy, 2009); Thuế thu nhập cá nhân sau 2 năm thực hiện một số bất cập nảy sinh và hướng giải quyết (Lê Thị Kim Nhung, 2011); Ưu tiên quyền lợi của người nộp thuế khi sửa đổi luật thuế thu nhập cá nhân (Nguyễn Thị Lan Hương, 2011); Thuế thu nhập cá nhân của Anh và một số bài học đối với Việt Nam (Đào Ngọc Tiến, Nguyễn Thu Hằng, 2011); Thực tiễn thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và định hướng hoàn thiện (Ths. La Thị Tuyết Anh, 2011)... Những đề tài, những bài viết, đánh giá bình luận trong những nghiên cứu trên đã phần nào đưa ra được cái nhìn tổng quan, những điểm mạnh cũng như hạn chế trong các quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu hiện nay chỉ dừng lại ở việc phân tích, đánh giá ở khía cạnh tổng thể, khái quát chung về Luật thuế thu nhập cá nhân mà chưa nghiên cứu chuyên sâu vào một bộ phận cốt lõi của luật thuế - căn cứ tính thuế. Hiện nay, khi áp dụng Luật thuế thu nhập cá nhân hầu hết các tranh cãi cũng như mâu thuẫn nảy sinh đều xuất phát từ các quy định về căn cứ tính thuế. Vậy thực tiễn quy định về căn cứ tính thuế ở Việt Nam và trên thế giới như thế nào, những thành tựu đạt được, những hạn chế còn tồn tại và giải pháp khắc phục cho thực trạng hiện nay. Để trả lời cho tất cả những câu hỏi trên, tôi đã mạnh dạn chọn nghiên cứu đề tài ***“Căn cứ tính thuế Thu nhập cá nhân theo pháp luật Việt Nam”***. Thông qua đề tài này, tôi muốn đưa ra những nhận định, những quan điểm, cũng như phân tích, đánh giá những quy định pháp luật cụ thể về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân nói chung và căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật Việt Nam nói riêng. Từ thực trạng quy định pháp luật hiện hành, sẽ đưa ra những điểm tích cực và hạn chế từ đó đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về căn cứ tính thuế.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu đề tài**

Việc chọn đề tài “Căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật Việt Nam” để nghiên cứu nhằm mục đích:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung và quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

- Phân tích thực trạng, đánh giá ưu nhược điểm trong quy định của pháp luật hiện hành về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân. Từ đó đề xuất những biện pháp và định hướng hoàn thiện quy định pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam nhằm nâng cao vai trò của thuế thu nhập cá nhân, đặc biệt là vai trò đảm bảo công bằng, hiệu quả trong phân phối thu nhập.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

Đối tượng nghiên cứu là các quy định pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

Phạm vi nghiên cứu là các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích người viết có tham khảo chọn lọc và so sánh với các quy định pháp luật tương đồng của các quốc gia trên thế giới. Việc lựa chọn đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu như trên đảm bảo tính chuyên sâu và thực tiễn của công trình khoa học.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

##### **Phương pháp lý luận:**

Trong quá trình thực hiện luận văn người viết đã sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp. Khi nghiên cứu về lý thuyết người viết đã sử dụng các tài liệu thuế của các chuyên gia thuế trong nước, trên thế giới và tài liệu của các công ty kiểm toán quốc tế Arthur Andersen, Ernst & Young,... Ngoài ra trong quá trình công tác người viết đã trực tiếp ghi chép, thu thập được các tài liệu thực tế liên quan đến việc áp dụng quy định pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.

##### **Khảo sát thực nghiệm:**

Nguồn dữ liệu sử dụng trong luận văn được thu thập từ số liệu tổng kết

báo cáo tổng kết công tác hành thu của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, tạp chí thuế Nhà nước, các bài phóng sự về thuế TNCN của báo Đầu tư, Người lao động, Thanh niên, các báo cáo quyết toán hàng năm của các tổ chức được Cục thuế TP. Hồ Chí Minh uỷ nhiệm thu, số liệu thực tế qua quá trình kiểm tra, kiểm soát tại các văn phòng đại diện.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

Về mặt lý luận, khoá luận đưa ra những nhận định và khái quát về những quan điểm, cũng như những quy định pháp luật cụ thể về căn thuế thu nhập cá nhân nói chung và căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật Việt Nam nói riêng.

Về mặt thực tiễn, luận văn đã phân nào nói lên được những điểm còn hạn chế trong quy định pháp luật về căn cứ tính thuế TNCN và đã mạnh dạn đưa ra một số đề xuất để các quy định về căn cứ tính thuế TNCN thực sự đi vào cuộc sống.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục đề tài tham khảo, và phụ lục, những nội dung chính của đề tài được trình bày trong ba chương:

\* *Chương 1:* Lý luận chung về căn cứ tính thuế và pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

\* *Chương 2:* Thực trạng pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.

\* *Chương 3:* Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

## Chương 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

### 1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

#### 1.1.1. Khái quát về thuế thu nhập cá nhân

Do trong thuật ngữ kinh tế tồn tại nhiều khái niệm khác nhau về thuế như: Thuế là một khoản thu của Nhà nước đối với các tổ chức và mọi thành viên trong xã hội. Thuế là khoản thu có tính bắt buộc và không hoàn trả trực tiếp theo luật định. Marx viết: *“Thuế là cơ sở kinh tế của bộ máy Nhà nước, là thủ đoạn đơn giản để kho bạc thu được tiền hay tài sản của người dân để dùng vào việc chi tiêu của Nhà nước”*[8]. Các nhà nguyên cứu kinh tế khác cho rằng *“Thuế là hình thức phân phối thu nhập tài chính của Nhà nước để thực hiện chức năng của mình, dựa vào quyền lực chính trị, tiến hành phân phối sản phẩm thặng dư của xã hội một cách cưỡng chế và không hoàn lại”*[14]. Mặc dù có nhiều cách định nghĩa về Thuế khác nhau nhưng chúng ta cũng nhận thấy những điểm tương đồng sau:

Thuế là khoản thu mang tính bắt buộc mà các tổ chức, cá nhân phải nộp cho Nhà nước khi có những điều kiện nhất định. Thuế mang tính bắt buộc và không mang tính hoàn trả trực tiếp, ngang giá. Một phần thuế nộp vào ngân sách Nhà nước được trả về với người dân một cách gián tiếp dưới nhiều hình thức khác nhau như trợ cấp xã hội, phúc lợi xã hội và quỹ tiêu dùng khác.

Là một bộ phận không thể thiếu của hệ thống thuế, trên cơ sở những khái niệm trên, chúng ta có thể rút ra định nghĩa về thuế TNCN theo pháp luật hiện hành như sau:

*Thuế TNCN là loại thuế chủ yếu đánh vào thu nhập của cá nhân nhằm thực hiện công bằng xã hội, động viên một phần thu nhập của cá nhân vào*

*ngân sách Nhà nước và có thể được sử dụng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua việc khuyến khích làm việc hay nghỉ ngơi, thông qua việc thu hay không thu thuế đối với các khoản thu nhập từ kinh doanh, đầu tư, ...*

Sự xuất hiện của thuế thu nhập cá nhân do những nguyên nhân chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, thuế thu nhập cá nhân ra đời bắt nguồn từ yêu cầu đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập.

*Thứ hai*, do nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng của Nhà nước.

*Thứ ba*, thuế thu nhập được sử dụng như một công cụ linh hoạt để điều tiết vĩ mô, kích thích tiêu dùng hoặc đầu tư để phát triển kinh tế.

*\* Thuế thu nhập cá nhân có các đặc điểm nổi bật như sau:*

- Thuế TNCN có diện đánh thuế rất rộng, thể hiện trên hai khía cạnh: đối tượng đánh thuế TNCN là toàn bộ các khoản thu nhập của cá nhân thuộc diện đánh thuế. Đối tượng phải kê khai nộp thuế TNCN là toàn bộ những người có thu nhập.

- Thuế TNCN là một hình thức động viên mang tính bắt buộc trên nguyên tắc theo luật định. Phân phối khoản thu nhập qua thuế TNCN gắn với quyền lực, sức mạnh của Nhà nước.

- Thuế TNCN là khoản đóng góp không hoàn trả trực tiếp cho người nộp. Nó vận động một chiều, không phải là khoản thù lao mà người nộp thuế phải trả cho Nhà nước do được hưởng các dịch vụ Nhà nước cung cấp.

- Thuế TNCN luôn gắn với chính sách xã hội của mỗi quốc gia.

*\* Vai trò của thuế thu nhập cá nhân:*

- Góp phần thực hiện công bằng xã hội;

- Điều tiết thu nhập, tiêu dùng và tiết kiệm;

- Tạo lập nguồn tài chính cho ngân sách Nhà nước;

- Góp phần phát hiện thu nhập bất hợp pháp;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế;
- Góp phần hạn chế sự thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Góp phần khắc phục nhược điểm của một số loại thuế khác.

### **1.1.2. Khái quát về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân**

#### ***1.1.2.1. Khái niệm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân***

Căn cứ tính thuế là khái niệm dùng để chỉ những đại lượng nhất định được sử dụng làm cơ sở xác định số thuế phải nộp cho từng đối tượng chịu thuế riêng biệt. Căn cứ tính thuế TNCN bao gồm *thu nhập tính thuế* và *thuế suất*.

Căn cứ tính thuế TNCN được chia thành nhiều nhóm tùy theo cách phân loại khác nhau. Dựa trên cơ sở người chịu thuế có thể chia thành hai nhóm lớn:

- Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế đối với cá nhân cư trú;
- Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế đối với cá nhân không cư trú.

Việc phân chia như vậy nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc quản lý cũng như giúp các nhà làm luật có thể đưa ra những quy định pháp luật phù hợp với từng đối tượng. Cụ thể, đối với các cá nhân cư trú do hoạt động một cách thường xuyên, trong khoảng thời gian dài nên cơ quan quản lý có thể nắm bắt được các thông tin cá nhân của họ (độ tuổi, nhân thân, gia đình, thu nhập, các hoạt động kinh doanh...) vì vậy nên đối tượng này sẽ được áp dụng những quy định mang tính chất dài hơi (ví dụ: được tính giảm trừ gia cảnh, được trừ các chi phí hợp lý khi tiến hành các hoạt động kinh doanh...). Ngược lại, đối với những cá nhân không cư trú, việc họ “có mặt” trên lãnh thổ của một quốc gia chỉ trong thời gian ngắn (tùy thuộc vào quy định của mỗi nước về số ngày cư trú tại quốc gia mình) nên để thuận lợi cho việc quản lý cũng như tạo điều kiện cho người nộp thuế dễ dàng trong việc tính thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước sẽ được áp dụng các quy định tính thuế đơn giản và mang tính ngắn hạn.

Trên cơ sở đối tượng chịu thuế căn cứ tính thuế thường được chia thành 6 nhóm chính:

- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh;
- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn;
- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp;
- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;
- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, thừa kế, quà tặng, trúng thưởng.

Mỗi hoạt động kinh doanh sẽ có cách thức khác nhau để tiến hành và tạo lập ra thu nhập. Đồng thời để tạo ra thu nhập đó cũng đòi hỏi những chi phí đi kèm khác nhau. Có những nguồn thu nhập mang tính thường xuyên: thu nhập từ hoạt động kinh doanh, thu nhập từ tiền lương tiền công... Tuy nhiên cũng có những thu nhập chỉ mang tính chất từng lần, tạm thời: thu nhập từ tặng cho, quà tặng, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, góp vốn... Do vậy, việc phân loại các căn cứ tính thuế theo đối tượng chịu thuế sẽ giúp cho nhà làm luật đưa ra những quy định chính xác hơn trong việc xác định thu nhập tính thuế cũng như áp dụng các mức thuế suất khác nhau sao cho vừa đáp ứng được nguồn thu cho Nhà nước đồng thời cũng khuyến khích người dân tích cực tạo lập thu nhập mới.

Hiện nay trên thế giới mỗi quốc gia lại có cách phân loại căn cứ tính thuế khác nhau căn cứ vào đối tượng chịu thuế, cụ thể:

Theo Luật thuế TNCN Trung Quốc, căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân bao gồm các loại: căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương; Thu nhập từ sản xuất kinh doanh; Thu nhập về cho thuê tài sản; Thu nhập về chuyển nhượng tài sản; Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán; Thu lao dịch vụ; Thu nhập từ nhuận bút; Thu nhập về chi phí sử dụng quyền đặc biệt; Thu nhập về lãi cho vay, cổ tức, hoa hồng; Thu nhập ngẫu nhiên; Thu nhập khác.[3]



Tuy nhiên, tại Philippin các căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân ở gồm: căn cứ tính thuế đối với phí dịch vụ được chi trả dưới bất kỳ hình thức nào; thu nhập thu được từ việc thực hiện kinh doanh; Lãi buôn bán tài sản; Lãi tiền vay; tiền cho thuê; Tiền bản quyền; Cổ tức; Tiền trợ cấp hàng năm; Phần thưởng và tiền thưởng; Tiền lương hưu; Khoản phân chia từ thu nhập ròng của công ty hợp danh chuyên nghiệp chung cho người vay vốn. [3]

Các căn cứ tính thuế TNCN của Nhật Bản gồm 10 loại chính: căn cứ tính thuế từ thu nhập từ công việc lao động; Thu nhập từ hoạt động kinh doanh; Thu nhập do buôn bán bất động sản; Thu nhập từ tiền lãi cổ phần; Thu nhập từ lợi tức; Thu nhập từ các khoản hưu trí; Thu nhập từ buôn bán gỗ; Thu nhập từ các khoản vốn; Thu nhập bất thường; Thu nhập khác. [3]

Căn cứ vào nguồn thu thực tế của nước mình mà mỗi quốc gia đã phân loại ra các căn cứ tính thuế khác nhau tương ứng với từng đối tượng chịu thuế. Việc phân loại cũng như đưa ra quy định về căn cứ tính thuế của mỗi quốc gia không chỉ giúp cho việc quản lý diễn ra dễ dàng mà đồng thời còn cho thấy thái độ và chính sách xã hội của Nhà nước dành cho hoạt động đó trên lãnh thổ quốc gia mình.

#### ***1.1.2.2. Yếu tố cấu thành căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân***

Hai yếu tố cấu thành căn cứ tính thuế TNCN bao gồm: *thu nhập tính thuế* và *thuế suất*.

##### ***\* Thu nhập tính thuế***

Thu nhập tính thuế là một đại lượng dùng để chỉ tổng thu nhập chịu thuế khi đã trừ đi các khoản giảm trừ và các chi hợp lý dùng để tạo lập nên nguồn thu nhập đó.

Tùy theo trình độ quản lý của hệ thống thuế của từng quốc gia, hiện nay trên thế giới tồn tại hai cách thức xác định thu nhập để tính thuế TNCN.

- *Xác định thu nhập tính thuế "từ đồng thu nhập đầu tiên"*

Xác định thu nhập tính thuế "từ đồng thu nhập đầu tiên": là việc thuế thu nhập cá nhân được tính trên đồng thu nhập đầu tiên của người nộp thuế. Hiểu theo một cách đơn giản là dù người nộp thuế có thu nhập một đồng cũng phải đóng thuế trên mức thu nhập một đồng đó. Việc quy định như vậy dựa trên quan điểm thuế thu nhập cá nhân là thuế cho toàn dân không phải thuế dành cho người có thu nhập cao. Để tạo ra bất kể nguồn thu nhập nào đòi hỏi người nộp thuế phải sử dụng đến sự nguồn lực của xã hội vì vậy nên khi có thu nhập họ phải đóng thuế với mức tương ứng để bù đắp tái thiết lại những nguồn lực đó.

Dạng xác định này được các quốc gia phát triển (OECD) áp dụng tương đối phổ biến và bên cạnh đó cũng đưa ra những quy định về các suất miễn thu (personal relief); nghĩa là cho trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế các khoản thu nhập được Luật thuế TNCN cho phép như khấu trừ gia cảnh khi nuôi cha mẹ già, nuôi con cái, người tàn tật; tiền lương đóng góp vào quỹ an sinh xã hội, tiền nộp cho quỹ hưu trí; chi phí khám chữa bệnh, thù lao bác sĩ; lãi tiền tiết kiệm ở số ngân hàng do Chính phủ chỉ định.

*Nguyên tắc hành thu:* khấu trừ tại nguồn, sau đó cuối năm người chịu thuế sẽ tổng hợp thu nhập để quyết toán thuế.

Ví dụ: Tại Singapore, suất miễn thu chung cho mỗi cá nhân là 3.000 SGD, cho vợ là 2.000 SGD, cho 3 con đầu mỗi con 1.000 SGD, con bị tàn tật là 3.500 SGD, con đi học nước ngoài là 2.000 SGD. Phụ nữ dưới 28 tuổi sinh con thứ 2 sau ngày 11/01/1990 suất miễn trừ cao nhất là 20.000 SGD [49], ... Biểu 1.1 minh họa một trường hợp cụ thể về dạng thuế suất quy định thu từ "đồng thu nhập đầu tiên"[3].

**Biểu 1.1:** Ví dụ minh họa một trường hợp đánh thuế thu nhập cá nhân từ đồng thu nhập đầu tiên

*DVT: Dollar Singapore*

		<b>Suất miễn thu cá nhân (-):</b>	
Lương và thưởng	100.000	Bản thân:	3.000
Lãi	1.000	Thu nhập từ SXKD:	1.000
Cổ tức (tổng)	2.000	Vợ:	2.000
Thu nhập chịu thuế	103.000	Con:	4.000
		Quỹ lương hưu:	20.000
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>(30.000)</b>
		Thu nhập tính thuế:	73.000
		Thuế phải nộp:	7.455
		Thuế GST được trừ:	(500)
		Thuế bị khấu trừ tại nguồn:	(520)
		<b>Thuế phải nộp thêm</b>	<b>6.435</b>

*(Nguồn: Báo cáo cục thuế TP. Hồ Chí Minh)*

Áp dụng thuế suất quy định từ đồng thu nhập đầu tiên tuy khá phức tạp trong việc theo dõi và quản lý nhưng chính việc quy định các suất miễn thu lại có ý nghĩa lớn trong bảo đảm an sinh xã hội cho người nộp thuế, việc góp phần giải quyết chính sách xã hội, đảm bảo công bằng và bình đẳng giữa các thành viên trong xã hội. Hiện nay, trên thế giới có khá nhiều nước áp dụng căn cứ tính thuế này. Tuy nhiên, việc áp dụng thuế suất ở các nước là không giống nhau.

*- Xác định thu nhập tính thuế theo mức khởi điểm (ngưỡng chịu thuế)*

Xác định thu nhập tính thuế theo mức khởi điểm là việc tính thuế thu nhập cá nhân trên cơ sở cho phép khấu trừ không một khoản thu nhập, phần thu nhập còn lại chịu thuế suất lũy tiến từng phần. Để đưa ra mức khấu trừ

này các nhà làm luật sẽ phải tính toán trên cơ sở thu nhập bình quân đầu người của quốc gia và các chi phí mà người nộp thuế phải chi trả trong cuộc sống sinh hoạt thông thường.

Cách này được các quốc gia đang phát triển ưa chuộng hơn và do vậy được áp dụng rộng rãi hơn trong khối này.

Ví dụ: Tại Việt Nam theo Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004, hiệu lực thi hành từ 01/7/2004 người dân có thu nhập từ 0 đến 5 triệu/tháng chịu thuế suất 0%, từ trên 5 triệu đến 15 triệu là 10%. Do đó, một người có thu nhập dưới 5 triệu/tháng thì chưa đến mức chịu thuế.

Cách làm này có ưu điểm là dễ thực hiện, chi phí hành thu thấp vì cơ quan thuế không phải tính toán và quản lý việc kê khai các khoản được miễn, giảm trừ như cách xác định thu nhập tính thuế từ đồng thu nhập đầu tiên. Tuy nhiên, cách xác định này có nhược điểm lớn là không đáp ứng được yêu cầu về tính công bằng của thuế TNCN. Không công bằng do không xét đến gia cảnh của người chịu thuế. Nếu thuế suất được quy định thu theo mức thu nhập khởi điểm thì những người có gia cảnh khác nhau nhưng cùng một mức thu nhập lại phải đóng thuế TNCN như nhau.

#### **\* Thuế suất thuế thu nhập cá nhân**

Thuế suất là mức thuế phải nộp trên một đơn vị khối lượng chịu thuế. Định mức thu thuế (tỉ lệ %) tính trên khối lượng thu nhập hoặc giá trị tài sản chịu thuế. Thuế suất có các loại: Thuế suất lũy tiến, Thuế suất tỉ lệ thuận, Thuế suất cố định tuyệt đối, Thuế suất lũy thoái. Thuế suất lũy tiến là việc đánh Thuế suất cao hơn khi có thu nhập tăng hoặc giá trị tài sản chịu thuế tăng. Thuế suất tỉ lệ thuận là việc đánh thuế với thuế suất như nhau trên tất cả các khối lượng thu nhập hoặc giá trị tài sản chịu thuế. Thuế suất cố định tuyệt đối là Thuế suất quy định bằng số tiền tuyệt đối cho một hoạt động có thu nhập hoặc một đối tượng chịu thuế. Thuế suất lũy thoái là việc đánh thuế với Thuế suất giảm khi có thu nhập hoặc giá trị tài sản chịu thuế tăng.

Đối với thuế thu nhập cá nhân, thông thường người ta áp dụng biểu thuế suất lũy tiến. Có hai loại thuế suất lũy tiến là lũy tiến toàn phần và lũy tiến từng phần. Mỗi loại thuế suất lũy tiến có hiệu quả điều tiết khác nhau, trong đó biểu thuế suất lũy tiến từng phần được coi là đảm bảo công bằng hơn và không gây mâu thuẫn. Vì biểu thuế suất này phân chia ra các mức thu nhập khác nhau và đánh thuế với tỷ lệ thuế suất khác nhau. Việc đánh thuế này trên cơ sở người có thu nhập càng nhiều thì đóng thuế với thuế suất càng cao và ngược lại.

## **1.2. LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

### **1.2.1. Nguyên tắc xây dựng căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân**

Các nước trên thế giới mặc dù áp dụng nhiều hình thức thuế thu nhập cá nhân khác nhau, nhưng khi ban hành thuế thu nhập cá nhân cũng như xây dựng căn cứ tính thuế thường dựa trên các nguyên tắc nhất định.

#### ***1.2.1.1. Nguyên tắc xác định thu nhập chịu thuế***

Mặc dù cá nhân có nhiều nguồn thu nhập khác nhau, nhưng trong thực tế không phải toàn bộ thu nhập phát sinh đều là đối tượng điều chỉnh của thuế thu nhập cá nhân. Thuế thu nhập cá nhân chỉ điều chỉnh phần thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế là phần thu nhập quy định cơ sở đánh thuế thu nhập. Mọi hệ thống thuế thu nhập dù đánh trên từng loại thu nhập hay trên tổng thu nhập nói chung đều tính thuế trên thu nhập ròng để phản ánh đúng đắn khả năng kinh tế của người nộp thuế. Vì vậy thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở các khoản thu nhập nhận được sau khi miễn trừ một số khoản chi phí của người nộp thuế.

Hiện nay trên thế giới còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm và cách tính thu nhập nên cơ sở đánh thuế thu nhập cá nhân cũng không giống nhau. Tùy theo chính sách thuế thu nhập của mỗi nước mà nội dung, phương pháp xác định các khoản miễn trừ và thu nhập chịu thuế có sự khác

nhau. Mặt khác, trên thực tế không phải mọi khoản thu nhập phát sinh cũng đều có khả năng xếp vào thu nhập chịu thuế.

*Thứ nhất*, về nguyên tắc tất cả các khoản thu nhập phát sinh dù bằng tiền hay hiện vật không phân biệt từ nguồn sản xuất kinh doanh hay lao động, đầu tư đều có thể được xếp vào thu nhập chịu thuế sau khi loại bỏ những khoản được phát luật quy định không phải chịu thuế thu nhập. Nói cách khác, thu nhập chịu thuế phải gồm hầu hết các khoản thu nhập chủ yếu phát sinh, không phân biệt hình thái và nguồn gốc của chúng.

*Thứ hai*, thu nhập chịu thuế phải là thu nhập ròng nghĩa là thu nhập sau khi đã trừ các chi phí để tạo ra nó và các khoản được phép giảm trừ. Đối với thuế thu nhập cá nhân thì thu nhập chịu thuế là thu nhập sau khi đã trừ các chi phí cần thiết để tạo ra thu nhập đó.

*Thứ ba*, việc xác định thu nhập chịu thuế phải đảm bảo tính khả thi cho công tác quản lý. Một số nhà kinh tế đưa ra quan điểm cho rằng nên đánh thuế trên cơ sở thu nhập hoàn chỉnh: tức là thu nhập hiện hữu cộng lãi vốn dù là lãi đã có thực hay mới chỉ là hứa hẹn. Tuy nhiên, ý tưởng đánh thuế vào thu nhập hoàn chỉnh có tính khả thi kém do sự phức tạp và không chắc chắn của việc xác định thu nhập chịu thuế. Mặt khác, để có thu nhập hoàn chỉnh thì mỗi chủ thể tạo ra thu nhập lại có các chi phí khác nhau, chẳng hạn chi phí để khắc phục rủi ro, chi phí chữa bệnh... Nếu dựa vào thu nhập hoàn chỉnh để làm cơ sở đánh thuế thì vi phạm nguyên tắc công bằng. Do đó, đa số các nhà hoạch định chính sách thuế đều nhất trí cho rằng thu nhập chịu thuế chỉ nên giới hạn trong phạm vi thu nhập hiện hữu mà thôi.

#### ***1.2.1.2. Quy ước thời gian để xác định thu nhập chịu thuế***

Việc tạo ra thu nhập có tính chất tương đối về mặt thời gian. Những khoản thu nhập nhận được ở thời điểm hiện tại có thể là kết quả của các hoạt động lao động hoặc đầu tư trong quá khứ, nhưng cũng có thể chỉ là thu nhập ứng trước của các hoạt động hứa hẹn trong tương lai.

Mặt khác, thu nhập phát sinh tại những khoảng thời gian khác nhau có thể rất khác nhau. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi và sự công bằng trong đánh thuế, một sự phân đoạn có tính quy ước về mặt thời gian cần phải được xác định làm cơ sở cho việc xác định thu nhập chịu thuế phát sinh trong khoảng thời gian đó. Thông thường thời gian tính thu nhập chịu thuế trùng với năm ngân sách hoặc năm kế toán và được quy định là một năm làm cơ sở tính thuế. Những khoản thu nhập phát sinh trong khoảng thời gian đó được coi là đối tượng chịu thuế thu nhập.

Mặc dù vậy, đối với thuế thu nhập cá nhân, đa số các nước lấy một khoảng thời gian dài hơn một năm làm cơ sở xác định thuế thu nhập. Vấn đề này được thực hiện thông qua quy định chuyển số lỗ của năm tính thuế về phía trước hoặc về phía sau. Việc tính thuế thu nhập phát sinh theo năm thực chất chỉ được coi là hình thức tạm tính. Số thuế chính thức phải nộp sẽ được xác định trên cơ sở số thu nhập phát sinh “bù trừ” trong khoảng thời gian quy ước đó (thường là một số năm nhất định).

### ***1.2.1.3. Nguyên tắc xây dựng biểu thuế suất***

Đặc trưng quan trọng nhất của thuế thu nhập cá nhân là áp dụng biểu thuế lũy tiến, tức là mức thuế tăng lên một cách lũy tiến theo mức thu nhập tăng lên. Thuế suất lũy tiến được coi là phương pháp hiệu quả nhất để đánh thuế theo “khả năng nộp thuế” của cá nhân. Tuy nhiên để tính được mức lũy tiến đó là điều không đơn giản.

Vào cuối thế kỷ XIX các nhà kinh tế học cho rằng, khi thu nhập càng tăng thì tính hữu dụng của thu nhập đối với chủ của nó càng giảm. Nghĩa là thu nhập không được sử dụng một cách hữu ích xét trên góc độ của xã hội. Vì vậy, áp dụng thuế suất lũy tiến đánh vào những người có thu nhập cao sẽ làm tăng tính hữu dụng đối với thu nhập và giảm thiểu sự mất mát tổng thể của xã hội. Chính nguyên tắc cắt giảm ích lợi giới hạn đó của thu nhập là cơ sở ra đời tính lũy tiến trong việc nộp thuế. Nhiều nhà kinh tế học đương thời

đã vận dụng nguyên tắc này vào nghiên cứu xây dựng biểu thuế nhưng thiếu những cơ sở xác đáng.

Hiện nay, chính sách thuế thu nhập cá nhân ở hầu hết các quốc gia đều coi trọng nguyên tắc này và mức thuế thu nhập được tính toán dựa theo phương pháp lũy tiến nêu trên. Tuy nhiên, xung quanh vấn đề áp dụng nguyên tắc lũy tiến đối với thuế thu nhập cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tính lũy tiến của thuế thu nhập cũng cần có giới hạn và khi cần áp dụng nguyên tắc lũy tiến cũng cần phân biệt nguồn gốc của các loại thu nhập để phát huy vai trò điều chỉnh của thuế thu nhập. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng làm như vậy sẽ gây phức tạp trong việc thiết kế thuế suất, vì không nên dùng các loại thuế suất khác nhau cho thu nhập phát sinh từ các nguồn thu nhập khác nhau mà nên áp dụng các khoản miễn, giảm thuế để đảm bảo chức năng của thuế thu nhập, hoặc áp dụng thuế lũy tiến từng phần.

Một ví dụ cho việc thiết lập biểu thuế lũy tiến chung cho tất cả các nguồn thu nhập đó là biểu thuế của Malaysia áp dụng cho các cá nhân là đối tượng cư trú của năm tính thuế 2002 như sau:

**Biểu 1.2:** Biểu thuế suất dành cho cá nhân cư trú của Malaysia

<b>Thu nhập chịu thuế - Ngưỡng đánh thuế (RM)</b>	<b>Thuế suất (%)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế lũy tích (RM)</b>	<b>Thuế thu nhập lũy tích phải nộp (RM)</b>
<i>2.500 đầu tiên</i>	0	2.500	0
<i>2.500 tiếp theo</i>	1	5.000	25
<i>15.000 tiếp theo</i>	3	20.000	475
<i>15.000 tiếp theo</i>	7	35.000	1.525
<i>15.000 tiếp theo</i>	13	50.000	3.475
<i>20.000 tiếp theo</i>	19	70.000	7.275
<i>30.000 tiếp theo</i>	24	100.000	14.475
<i>150.000 tiếp theo</i>	27	250.000	54.975
<i>&gt;250.000</i>	28		

(Nguồn: Báo cáo cục thuế TP. Hồ Chí Minh)



Theo pháp luật Trung Quốc, chỉ đưa ra mức thuế suất cụ thể sau khi đã phân loại nguồn gốc của thu nhập. Cụ thể, nếu một người có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuế suất áp dụng sẽ theo biểu lũy tiến từng phần.[12]

**Biểu 1.3:** Biểu thuế dành cho thu nhập từ tiền lương tiền công của Trung Quốc

Số cấp	Số thu nhập phải nộp thuế/tháng	Thuế suất
1	Phần không vượt quá 500 Y	5%
2	Phần vượt quá 500 Y đến 2.000 Y	10%
3	Phần vượt quá 2.000 Y đến 5.000 Y	15%
4	Phần vượt quá 5.000 Y đến 20.000 Y	20%
5	Phần vượt quá 20.000 Y đến 40.000 Y	25%
6	Phần vượt quá 40.000 Y đến 60.000 Y	30%
7	Phần vượt quá 60.000 Y đến 80.000 Y	35%
8	Phần vượt quá 80.000 Y đến 100.000 Y	40%
9	Phần vượt quá 100.000 Y	45%

(Nguồn: [http://investtaiwan.nat.gov.tw/matter/show\\_eng.jsp](http://investtaiwan.nat.gov.tw/matter/show_eng.jsp))

Trong khi đó, thu nhập về thù lao dịch vụ; thu nhập về nhuận bút; thu nhập về phí sử dụng quyền đặc biệt; thu nhập cho thuê tài sản, thuế suất là 20%. Thu nhập chịu thuế về chuyển nhượng tài sản là số thu nhập mà người nộp thuế nhận được trừ đi nguyên giá tài sản và chi phí hợp lý rạo ra thu nhập chịu thuế, thuế suất là 20%. Thu nhập chịu thuế về lãi tiền cho vay, cổ tức, hoa hồng; thu nhập ngẫu nhiên; các thu nhập khác là toàn bộ thu nhập mỗi lần nhận được của người nộp thuế, thuế suất là 20%.

Pháp luật Việt Nam hiện hành cũng quy định hai loại biểu thuế lũy tiến. Theo đó, biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng cho thu nhập có nguồn gốc từ tiền lương, tiền công và kinh doanh. Biểu thuế lũy tiến toàn phần áp dụng cho các nguồn thu nhập không mang tính thường xuyên như đầu tư vốn, thừa kế, quà tặng, nhượng quyền thương mại... Việc phân loại nguồn thu nhập trước

khi áp thuế suất nhìn chung được sử dụng rộng rãi và đánh giá cao hơn việc sử dụng chung một biểu thuế suất. Vì mỗi loại thu nhập lại có một đặc điểm và cách thức hình thành khác nhau nên việc phân loại nguồn thu nhập sẽ đảm bảo tính công bằng và chính xác cao khi áp dụng.

## **1.2.2. Nội dung pháp luật về căn cứ tính thu nhập cá nhân**

### ***1.2.2.1. Thu nhập chịu thuế***

Hiện có hai cách xác định thu nhập chịu thuế khác nhau trong lĩnh vực này: đó là thu nhập đã nhận (thu nhập gộp) hay thu nhập đã nhận được trừ một số khoản chi phí để tạo ra thu nhập.

Đối với các nước có quan điểm đánh thuế trên số thu nhập đã nhận thì thu nhập tính thuế được xác định là toàn bộ số tiền mà người nộp thuế đã nhận, không phân biệt đã phải bỏ ra ít hay nhiều chi phí để tạo ra thu nhập tính thuế. Cách tính thuế này đơn giản nhưng thường không đảm bảo được sự công bằng trong chính sách động viên đối với từng cá nhân, từng gia đình. Đây là cách xác định thu nhập chịu thuế mà chúng ta đã áp dụng trong Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Hầu hết các nước hiện nay (như: Nhật, Indônexia, Malaysia, Thái Lan,...) đều khái niệm thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập trừ đi tổng các khoản được giảm trừ của đối tượng đó trong kỳ tính thuế. Tổng thu nhập của một đối tượng trong kỳ tính thuế là tổng thu nhập chịu thuế mà đối tượng đó kiếm được trong kỳ tính thuế không bao gồm các khoản được miễn thuế. Tổng các khoản được giảm trừ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ tính thuế và các khoản được phép trừ khác theo quy định như: các khoản giảm trừ gia cảnh cho đối tượng nộp thuế,...

Đa số các nước đều xác định thu nhập chịu thuế và phân loại chúng dựa theo nguồn hình thành, và thường bao gồm các loại chủ yếu sau:

- Thu nhập từ lao động như tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất như tiền lương, tiền công...

- Thu nhập từ kinh doanh (công thương nghiệp và dịch vụ) và thu nhập từ hành nghề độc lập (từ các dịch vụ cá nhân như luật sư, bác sỹ, kế toán, kiểm toán,...)

- Thu nhập từ tài sản như thu nhập từ cho thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản, thừa kế, quà tặng, quà biếu,...

- Thu nhập từ đầu tư gián tiếp như thu nhập từ tiền lãi, cổ tức, thu nhập được chia từ các hoạt động góp vốn...

- Thu nhập khác.

Luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam hiện hành đã vận dụng cách phân loại các khoản thu nhập chịu thuế theo nguyên tắc này.

#### ***1.2.2.2. Thu nhập không chịu thuế***

Qua nghiên cứu Luật thuế TNCN của các nước trên thế giới nói chung như Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia... có thể thấy hầu hết các nước loại thu nhập không chịu thuế thường được dựa vào các tiêu thức chủ yếu sau:

- *Thứ nhất*, không chịu thuế vì lý do xã hội như: các khoản phúc lợi xã hội, học bổng, tiền bồi thường ...

- *Thứ hai*, không chịu thuế theo quy định của các Hiệp định, hiệp ước, thoả thuận quốc tế đã ký kết giữa các nước.

- *Thứ ba*, không chịu thuế có thể vì lý do chính trị hoặc lý do quản lý như: các khoản thu nhập bất thường,...

- *Thứ tư*, miễn thuế vì lý do muốn khuyến khích một hoạt động cụ thể nào đó như: thu nhập từ quỹ lương hưu nhằm khuyến khích đóng góp lương hưu, hoặc thu nhập từ cổ phiếu trái phiếu không chịu thuế nhằm khuyến khích các hoạt động đầu tư gián tiếp.

Ví dụ: Ở Trung Quốc, các khoản thu nhập từ tiền thưởng do chính quyền chi trả; tiền phụ cấp, trợ cấp được chính quyền phát cho theo quy định của Quốc Vụ viện; thu nhập của các đại diện ngoại giao, nhân viên lãnh sự

thuộc các đại sứ quán và lãnh sự quán tại Trung Quốc,...là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân. Ở Hàn Quốc, thuế thu nhập cá nhân không áp dụng cho các khoản thu nhập sau: thu nhập kinh doanh phát sinh từ bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của các hộ nông dân được quy định tại Nghị định Tổng thống; thu nhập từ lương, thu nhập hưu, các khoản trợ cấp; thu nhập từ tài sản đặc biệt (tác phẩm hội họa, thư họa,...); thu nhập từ việc trao đổi, phân chia hoặc sát nhập đất nông nghiệp theo quy định;... [3]

Ở nước ta, Luật thuế thu nhập cá nhân ban hành cũng đưa ra các khoản thu nhập không chịu thuế, các khoản thu nhập được miễn thuế cơ bản cũng dựa vào các tiêu thức chủ yếu trên. Chúng ta đã đưa thu nhập từ hoạt động chứng khoán vào diện chịu thuế thu nhập cá nhân.

#### ***1.2.2.3. Các khoản miễn giảm thuế***

Quy định về miễn giảm thuế có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau nhằm đạt được hiệu quả tối ưu của Luật thuế, nhất là yếu tố chính trị luôn được các nhà lập pháp và hoạch định chính sách cân nhắc kỹ lưỡng. Trên thế giới hiện nay có các phương pháp miễn giảm chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, trong luật thuế có quy định rõ những trường hợp miễn, giảm thuế cụ thể bằng mức tiền hoặc khung tỷ lệ phần trăm (%) trên số thuế phải nộp, thí dụ: người nộp thuế gặp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, hoàn cảnh đặc biệt,... Ưu điểm của phương án này là sự rõ ràng, minh bạch, người nộp thuế thấy được ngay kết quả cụ thể của chính sách. Vì vậy trên thế giới có rất nhiều nước áp dụng, nhất là các nước phát triển. Trong đó điển hình là Anh, Pháp và một số nước châu Âu khác.[8]

*Thứ hai*, quy định miễn giảm thuế dưới hình thức tạm thời chưa thu thuế đối với một số khoản thu nhập. Ưu điểm là thu hút nhiều hơn được sự quan tâm của xã hội mà vẫn đạt được mục tiêu lâu dài của chính sách đồng thời mang ý nghĩa chính trị lớn.

Trung Quốc hiện nay đang áp dụng cách thức này trong việc miễn giảm thuế: miễn thuế đối với lợi tức tiền gửi tiết kiệm giáo dục (chỉ áp dụng đối với cá nhân mở tài khoản tại Ngân hàng chỉ định, gửi tiền dùng vào việc chuyên dùng cho giáo dục); miễn thuế đối với tiền thưởng hoặc hiện vật được thưởng cho những người dũng cảm vì nghĩa do hội nghĩa dũng hoặc tổ chức tương tự tặng thưởng, các tổ chức này được chính quyền nhân dân cấp xã, thị trấn trở lên, hoặc được ngành chủ quản của chính quyền nhân dân huyện cho phép thành lập; miễn thuế đối với trợ cấp viện sỹ, viện sỹ thông tấn của Viện hàn lâm khoa học Trung Quốc và Viện công trình Trung Quốc...

*Thứ ba*, dựa trên cơ sở kết hợp ưu điểm của 2 phương pháp trên. Theo đó vừa quy định miễn giảm thuế cho một số loại thu nhập, vừa cho phép miễn giảm một số tiền thuế nhất định đối với một số đối tượng trong những hoàn cảnh nhất định.

Trên thực tế, ở Việt Nam, chúng ta đã lựa chọn phương pháp này khi áp dụng thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và trong Luật thuế TNCN 2007 hành đã áp dụng phương án này. Ở nước ta trong một giai đoạn nhất định đã áp dụng theo phương pháp này, cụ thể: tại điểm 3, mục I Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao thì: "*Tạm thời chưa thu thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập về lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi tiền cho vay vốn, lãi mua tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu, thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán, chênh lệch mua bán chứng khoán*".

Luật thuế thu nhập cá nhân 2007 cũng quy định về miễn thuế theo cách thứ ba. Một mặt pháp luật quy định các trường hợp được miễn thuế: Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12

năm 2012 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định tại Điều 22 của Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức cá nhân.... Mặt khác Luật thuế TNCN cũng quy định giảm thuế cho đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Việc áp dụng quy định theo cách này ở một khía cạnh nào đó tạo ra sự minh bạch, rõ ràng khi đưa ra những khoản thu nhập cụ thể được miễn giảm, đồng thời tạo nên sự linh hoạt nhất định của luật khi đưa ra mức miễn giảm nhất định cho đối tượng nộp thuế trong những hoàn cảnh nhất định tạo điều kiện thúc đẩy, hỗ trợ đặc lực cho người nộp thuế khi rơi vào tình trạng khó khăn.

#### ***1.2.2.4. Các khoản được giảm trừ***

##### ***\* Giảm trừ gia cảnh***

Luật thuế thu nhập cá nhân của hầu hết các nước trên thế giới đều quy định các khoản giảm trừ gia cảnh cho đối tượng nộp thuế. Đây chính là biểu hiện rõ nét nhất của tính công bằng theo chiều ngang trong điều tiết thu nhập. Tuy có cùng một mức thu nhập như nhau nhưng người có hoàn cảnh khó khăn hơn (ví dụ có nhiều người phải nuôi dưỡng, bị tàn tật,...) sẽ gặp khó khăn nhiều hơn khi phải nộp cùng một mức thuế với những người có điều kiện thuận lợi. Kinh nghiệm nước ngoài cho thấy các khoản được giảm trừ có thể thực hiện theo 2 loại: giảm trừ cá nhân và giảm trừ tiêu chuẩn.

Giảm trừ cá nhân được thực hiện theo phương pháp kê khai chi phí thực tế phát sinh đối với các khoản được phép giảm trừ. Các khoản chi phí được giảm trừ này được cá nhân kê khai và phải có chứng từ chứng minh.

Hình thức này đảm bảo công bằng hơn nhưng phức tạp và tốn kém chi phí hành thu, cho nên thường chỉ được áp dụng ở những nước có trình độ kinh tế phát triển, trình độ dân trí cao và hệ thống lưu giữ thông tin tốt. Có nước quy định các chế độ miễn trừ cho bản thân người nộp thuế (vợ hoặc chồng, bố mẹ hoặc con cái phải nuôi dưỡng) như: Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Philippin,... nhưng có nước lại áp dụng biểu tính thuế từ đồng thu nhập đầu tiên để người nộp thuế thấy rõ nghĩa vụ và trách nhiệm công dân của mình (Pháp, Mỹ, Anh,...). [8]

Các nước chậm phát triển thường áp dụng hình thức giảm trừ tiêu chuẩn vì không có đủ tiêu chuẩn để áp dụng hình thức giảm trừ cá nhân nhằm đơn giản hoá chính sách và giảm nhẹ công tác quản lý. Hình thức này được thực hiện thông qua mức khởi điểm chịu thuế (như Pháp lệnh thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam), là mức thu nhập trung bình xã hội đảm bảo trang trải đủ nhưng chi phí cần thiết về kinh tế và xã hội theo quan điểm và tập quán của mỗi nước. Áp dụng hình thức này không đảm bảo công bằng như giảm trừ cá nhân (vì mức chi phí cần thiết được cào bằng giữa các đối tượng nộp thuế) nhưng lại đảm bảo cho việc tính toán đơn giản, tiết kiệm chi phí hành thu, tạo thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật và phù hợp với trình độ dân trí còn thấp.

Việc xây dựng các loại hình và mức giảm trừ phải quán triệt đầy đủ những tư tưởng chỉ đạo, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong Chiến lược cải cách thuế. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau với các căn cứ tính toán cụ thể khi xây dựng mức giảm trừ cho cá nhân như: dựa trên tiền lương theo chính sách của Nhà nước, căn cứ vào thu nhập quốc dân hoặc GDP bình quân đầu người, cơ cấu thu nhập chi tiêu của dân cư, kế thừa chính sách hiện hành, hoặc kết hợp nhiều cách để lựa chọn ra phương án tối ưu. Luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam xác định mức giảm trừ căn cứ vào cơ cấu thu nhập/chi

tiêu của dân cư. Luật quy định về các khoản giảm trừ gia cảnh với mức khoán bằng tiền cho đối tượng nộp thuế và người phụ thuộc. Tuy nhiên để xác định đúng đối tượng là người phụ thuộc còn là bài toán đặt ra đối với công tác quản lý thuế.

#### **\* Giảm trừ đặc thù**

Các khoản giảm trừ đặc thù: Đây là các khoản giảm trừ mà đối tượng nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mục mà Nhà nước cần khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ chi phí giáo dục của con hoặc là có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp (để khuyến khích người dân sở hữu nhà) hay là các khoản đóng góp từ thiện. Khi xây dựng các khoản giảm trừ đặc thù, phần lớn các nước đều không chế mức tối đa cho từng loại giảm trừ, ví dụ như cho giáo dục, y tế... (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...). Để được hưởng các khoản giảm trừ này, người nộp thuế phải xuất trình được các chứng từ liên quan. [9]

#### **1.2.2.5. Thuế suất và biểu tính thuế**

Thuế suất thường được coi là linh hồn của mỗi sắc thuế. Mức thuế suất cao hay thấp, được thiết kế theo một mức cố định hay theo biểu lũy tiến thể hiện chính sách động viên phù hợp với khả năng đóng góp và trình độ quản lý của mỗi nước. Hầu hết các nước đều chia ra làm hai loại thuế suất: thuế suất toàn phần và thuế suất lũy tiến. Trong đó thuế suất toàn phần thường áp dụng cho loại thu nhập từ vốn, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thu nhập từ bản quyền,... và thuế suất lũy tiến chủ yếu áp dụng cho thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công.



Việc đảm bảo nguyên tắc “công bằng theo chiều dọc” đòi hỏi phải xây dựng được biểu thuế và các mức thuế suất cụ thể trên cơ sở đạt sự cân bằng tối ưu giữa các mục tiêu được đặt ra. Biểu thuế cần rút gọn các mức thuế suất, giảm bớt mức lũy tiến thông qua việc mở rộng biên độ chịu thuế giữa các bậc. Từ kinh nghiệm thực tiễn và xu hướng cải cách thuế TNCN trên thế giới và các nước trong khu vực, biểu thuế nên thiết kế khoảng 5-7 bậc với các mức thuế suất từ 5% đến 35% là hợp lý. Một biểu thuế với ít bậc thuế và khoảng cách giữa các bậc thuế xa sẽ đảm bảo đơn giản cho việc quản lý, mang lại hiệu quả nhiều hơn cho công tác quản lý thuế. Trái lại lựa chọn phương án nhiều bậc thuế suất và giữ khoảng cách hợp lý giữa các bậc thu nhập cho phép thực hiện được yêu cầu công bằng hơn phương án trước.

Ví dụ: Ở Nhật Bản, biểu thuế suất lũy tiến áp dụng đối với thu nhập từ các khoản tiền công và tiền lương bao gồm các mức thuế suất: 10%, 20%, 30% và 37%. Biểu thuế áp dụng đối với thu nhập hoạt động kinh doanh của các cơ sở tự kinh doanh và thu nhập từ quản lý theo hợp đồng hoặc cho thuê đối với các doanh nghiệp hoặc tổ chức gồm 5%, 10%, và 13%. Nhật thực hiện thuế suất tỷ lệ cố định 20% được áp dụng đối với thu nhập từ tiền thù lao tác giả (trừ chi phí 30% thu nhập chịu thuế) [13]

Ở Malaysia, thuế suất thuế thu nhập cá nhân là biểu thuế lũy tiến từng phần gồm 10 bậc: 0%, 1%, 3%, 7%, 13%, 19%, 24%, 27%, 28% và 29%. Tiền lãi của người định cư từ các ngân hàng và tổ chức tài chính chịu thuế khấu trừ tại nguồn 5%. Đối với người không cư trú chịu thuế suất 28%, Tiền bản quyền 10%; Tiền cho thuê động sản 10%; Phí kỹ thuật 10%; Tiền lãi 15%; ...[13]

Luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam cũng đã quy định thuế suất toàn phần áp dụng cho thu nhập từ đầu tư vốn (5%), chuyển nhượng bất động sản (2%), thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại (5%), thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (0,1%) là khá thấp so với các nước

trên thế giới. Biểu thuế lũy tiến áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh với 7 mức thuế suất (5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%). Đây được xem là biểu thuế không quá phức tạp nhưng vẫn đảm bảo được mục tiêu lớn nhất trong giai đoạn đầu xây dựng Luật là thực hiện phân phối thu nhập đảm bảo công bằng xã hội, mang lại hiệu quả cho công tác quản lý thu.

Như vậy, thông qua chương này chúng ta đã có cái nhìn tổng quan về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân. Với những bộ phận cấu thành không thể tách rời, căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân được chia thành 4 phần: thu nhập chịu thuế, các khoản giảm trừ, thu nhập tính thuế và thuế suất. Mặc dù có kết cấu như vậy, nhưng ở mỗi quốc gia khác nhau, việc áp dụng sao cho phù hợp với từng điều kiện kinh tế, xã hội đã tạo ra những quy định về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân có phần khác biệt. Tuy nhiên, để xây dựng nên một hệ thống các quy định về căn cứ tính thuế hoàn chỉnh, các quốc gia đều phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định. Việc chấp hành nghiêm ngặt các nguyên tắc này vẫn cho phép nhà làm luật được phép đưa ra những điều chỉnh linh hoạt phù hợp với từng thời kỳ mà vẫn đảm bảo lợi ích chung của nhà nước và người nộp thuế.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM**

### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM**

Để phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó đến nay đã có 05 lần sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao: lần thứ nhất vào ngày 10/3/1992, lần thứ hai vào ngày 1/6/1994, lần thứ ba vào ngày 6/2/1997, lần thứ 4 vào ngày 30/6/1999 và lần thứ năm vào ngày 13/6/2001 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2001). Sau hơn ba năm chuẩn bị kỹ lưỡng với hàng trăm cuộc hội thảo và sau gần một năm công bố rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, ngày 20/11/2007, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội nước Cộng hòa XHCH Việt nam khoá XII đã thông qua Luật thuế TNCN. Luật có hiệu lực thi hành từ 1/1/2009, gồm 35 điều 4 chương, là một văn bản luật được soạn thảo “công phu” nhất từ trước đến nay, phản ánh khá đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân với nhiều điểm mới và phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội nước ta hiện nay như:

Quy định cụ thể về đối tượng nộp thuế là cá nhân kinh doanh đang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, cá nhân có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công được điều chỉnh theo Luật thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, Luật đã bổ sung thêm với đối tượng nộp thuế là cá nhân có thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản, thu nhập từ thừa kế, quà tặng. Sự thay đổi này, trước hết đảm bảo tính công bằng trong điều tiết thu nhập bởi đã là cá nhân có thu nhập chịu thuế thì dù thu nhập từ bất kì nguồn nào cũng đều được đối xử như nhau, tức là đều chịu thuế TNCN. Thêm vào đó, việc điều tiết thu nhập của cá nhân

kinh doanh theo Luật thuế TNCN thực hiện theo phương pháp lũy tiến sẽ đảm bảo điều tiết hợp lý thu nhập dân cư. Điều này rất có ý nghĩa đối với các hộ kinh doanh nhỏ ở Việt Nam vì theo quy định trước đây họ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất chung bằng với các doanh nghiệp (thông thường là những đơn vị kinh doanh có quy mô lớn).

Về đối tượng nộp thuế, đã có sự quy định rõ hơn đối tượng cư trú (đối tượng phải nộp thuế TNCN cho Việt Nam đối với toàn bộ thu nhập, kể cả thu nhập phát sinh ở Việt Nam và nước ngoài). Đối tượng cư trú là cá nhân có mặt ở Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ khi đến Việt Nam ngoài ra có thêm một điều kiện nữa được coi là cư trú ở Việt Nam, đó là “cá nhân có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở lại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn”. Quy định như vậy làm cho việc xác định đối tượng nộp thuế được thuận lợi hơn, bao quát hết các đối tượng nộp thuế và mở rộng đối tượng nộp thuế một cách hợp lý.

Luật thuế thu nhập cá nhân phân loại thu nhập chịu thuế thành 6 loại chính bao gồm: thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập khác (bao gồm: thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ thừa kế, quà tặng, thu nhập từ chuyển nhượng quyền thương mại). Đây là cơ sở để tính thuế phù hợp với từng loại thu nhập.

Từ cách phân loại này, việc áp dụng thuế suất được quy định theo hai hướng: đối với thu nhập từ kinh doanh và tiền lương, tiền công thì áp dụng biểu thuế suất lũy tiến từng phần; đối với các khoản thu nhập còn lại thì áp dụng biểu thuế suất lũy tiến toàn phần. Một số khoản thu nhập trước đây không quy định (mặc nhiên được coi là thu nhập không chịu thuế) được quy định trong Luật thuế TNCN gồm: thu nhập từ chuyển nhượng quyền thương mại,

thu nhập từ quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các cơ sở kinh doanh, bất động sản hoặc tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng (tuy nhiên, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân chỉ có nhà ở, đất ở duy nhất được miễn thuế), thu nhập từ casino, thu nhập từ trúng thưởng... Tất nhiên, những khoản thu nhập này chỉ bị đánh thuế khi thu nhập phát sinh lớn (từ trên 10 triệu đồng cho một hợp đồng hoặc một lần phát sinh).

Liên quan đến thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng, kế thừa, quà tặng, có một quy định đáng chú ý là Luật thuế thu nhập cá nhân quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa vợ với chồng; cha mẹ đẻ; cha mẹ nuôi; mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; cha chồng mẹ chồng với con dâu; cha vợ mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại với cháu nội, cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau. Một số khoản thu nhập trước đây tạm thời chưa thu thuế như thu nhập từ đầu tư vốn (gồm lãi cho vay, lợi tức cổ phần và thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác); thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán. Tuy nhiên, phần thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngân hàng, các quỹ tín dụng và các tổ chức tín dụng khác) và lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Việc miễn thuế này nhằm mục đích thu hút khoản tiền nhàn rỗi nhỏ lẻ trong dân cư vào các kênh tín dụng, để từ đó sử dụng vốn của nền kinh tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích sử dụng có hiệu quả mọi đồng vốn của xã hội. Luật thuế TNCN còn quy định các loại thu nhập được miễn thuế từ thu nhập như thu nhập từ tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn lương làm việc ban ngày, làm việc trong giờ; lương hưu; tiền thưởng cho cá nhân về việc phát hiện, khai báo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật; học bổng nhận từ ngân sách Nhà nước và từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Chính phủ; thu

nhập từ viện trợ, từ thiện với điều kiện các quỹ từ thiện này phải được Nhà nước cho phép thành lập hoặc công nhận hoạt động vì mục đích nhân đạo không nhằm mục đích thu lợi nhuận; thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ.

Đối với khoản đóng góp từ thiện nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế nhưng chỉ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh; không áp dụng đối với cá khoản thu nhập khác. Với quy định này, Luật đã khuyến khích mọi công dân trong xã hội tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Đồng thời, đây cũng chính là một khoản "chi tiêu qua thuế" của Nhà nước, thể hiện ở chỗ một khoản thu lỗ ra được nộp về ngân sách Nhà nước bây giờ được chuyển sang cho đối tượng thụ hưởng khoản đóng góp từ thiện. Ví dụ: Một người có thu nhập từ kinh doanh trước thuế của một năm 360 triệu đồng (thu nhập bình quân tháng 30 triệu đồng) thực hiện góp quỹ ủng hộ đồng bào lụt 10 triệu đồng. Khi đó, 10 triệu đồng này được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế. Với biểu thuế như sẽ được trình bày dưới đây, số thuế Nhà nước giảm thu khi cho cá nhân này giảm trừ vào thu nhập tính thuế là 2 triệu đồng. Có thể hiểu trong trường hợp này, coi như Nhà nước đã sử dụng ngân sách góp vào quỹ ủng hộ đồng bào bão lụt 2 triệu đồng, còn cá nhân này thực ra chỉ ủng hộ 8 triệu đồng. Việc quy định một số khoản thu nhập miễn thuế nêu trên thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với một số đối tượng được hưởng thu nhập trong những trường hợp gặp khó khăn và thể hiện chính sách khuyến khích của Nhà nước đối với một số hoạt động có lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhằm tăng cường lao động sản xuất...

## **2.2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ TNCN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

### **2.2.1. Quy định pháp luật về căn cứ tính thuế theo pháp luật Việt Nam**

#### **2.2.1.1. Về thu nhập chịu thuế và cách xác định thu nhập chịu thuế**

Trong thực tế, thu nhập của cá nhân được hình thành từ nhiều nguồn

(tiền lương, tiền công, tiền thù lao...) và dưới nhiều hình thức khác nhau (tiền mặt, hiện vật...). Với mục tiêu được quán triệt rõ ràng khi xây dựng Luật thuế TNCN là khoan sức dân, điều tiết thuế công bằng, bình đẳng, khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp. Luật thuế TNCN qui định thuế thu nhập cá nhân được áp dụng thống nhất để điều chỉnh các loại thu nhập của cá nhân thay vì mỗi loại thu nhập được điều chỉnh bởi một sắc thuế như hiện nay. Theo đó, tại Điều 3, Luật thuế TNCN quy định rõ về thu nhập chịu thuế được phân thành 06 loại, mỗi loại có phương pháp xác định thu nhập tính thuế và áp dụng biểu thuế phù hợp, cụ thể:

✓ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ của các cá nhân tự kinh doanh và cá nhân là chủ hộ hoặc người đại diện hộ gia đình sản xuất, kinh doanh.

- Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh được xác định bằng doanh thu trừ các khoản chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

- Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế từ kinh doanh là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Thời điểm xác định doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, hoàn thành dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ.

Theo chính sách thuế trước đây thì khoản thu nhập này thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Luật thuế TNCN đưa loại thu

nhập này vào diện điều chỉnh của Luật thuế TNCN nhằm thực hiện điều tiết bình đẳng thu nhập của cá nhân không phân biệt thu nhập từ kinh doanh hay thu nhập từ tiền lương, tiền công.

✓ Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công là tổng số tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công bằng tiền và không bằng tiền.

- Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số thu nhập mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

- Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Thu nhập từ tiền lương, tiền công đóng góp tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu nguồn thu của thuế thu nhập cá nhân. Việc quy định khá cụ thể chi tiết các khoản chịu thuế, các chi phí được giảm trừ, cách thức khai thuế... đã góp phần tích cực trong việc kê khai và đóng thuế thu nhập cá nhân từ đối tượng có thu nhập tiền lương, tiền công. Tuy nhiên, hiện nay có một thực trạng cho thấy nhiều cá nhân làm thuê cho các doanh nghiệp trong thời gian ngắn, không có hợp đồng thường không thực hiện đầy đủ chế độ kê khai và tạm khấu trừ thuế. Đặc biệt đối với nhiều người lao động làm việc ở nhiều nơi khác nhau, khi quyết toán thuế không kê khai đầy đủ tất cả các nguồn thu nhập dẫn đến thất thu cho ngân sách Nhà nước. Ngay cả việc các doanh nghiệp khi kê khai thu nhập cho lao động của mình đôi khi chỉ kê khai một số lượng nhất định, không kê khai chính xác số thu nhập thực trả cho lao động của mình. Tất cả những bất cập trên đòi hỏi nhà làm luật cần có những quy định chặt chẽ hơn nữa để có thể nắm bắt hết nguồn thu nhập của người lao động tạo ra môi trường bình đẳng, công bằng cho người nộp thuế.



Đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công được trừ các khoản đóng góp BHXH, BHYT và giảm trừ gia cảnh trước khi tính thuế.

✓ Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn: bao gồm các khoản lãi trái phiếu (trừ trái phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ), tín phiếu, lợi tức cổ phần, lợi tức từ các hình thức góp vốn kinh doanh khác.

- Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là tổng số các khoản thu nhập từ đầu tư vốn mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

- Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Đối với khoản thu nhập từ lợi tức trong đầu tư chứng khoán hay còn gọi là cổ tức hiện nay đang gặp khá nhiều tranh luận trong nên hay không nên đánh thuế. Quan điểm thứ nhất cho rằng, khi NĐT nắm giữ cổ phiếu của một doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc họ là cổ đông hay là một chủ sở hữu của doanh nghiệp đó. Vì vậy, khi doanh nghiệp chịu thuế TNDN cũng có nghĩa là NĐT phải chịu. Doanh nghiệp trả cổ tức nghĩa là doanh nghiệp trích một phần trong tổng thu nhập của mình để trả cho những người có tên trong danh sách cổ đông, như vậy thì cổ tức đã phải chịu một lần thuế TNDN. Vậy thì khi cổ đông nhận cổ tức và phải chịu thêm thuế suất sẽ bị thuế chồng lên thuế và không đúng với nguyên tắc của thuế TNCN. Việc phải chịu thuế tính trên cổ tức gây tâm lý bất bình cho các NĐT hơn là chi phí thuế mà họ phải gánh chịu. Bên cạnh đó, nếu đánh thuế TNDN chính là đã đánh thuế vào chủ sở hữu của DN hay chính là cổ đông của công ty – các NĐT.

Quan điểm thứ hai lại cho rằng, khi một công ty hoạt động sản xuất kinh doanh, họ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp cho việc sử dụng cho việc sử dụng các nguồn lực nói trên. Việc các công ty trong quá trình hoạt động phải trả thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu... chỉ

là thuế gián thu và không phải là các công ty trả mà họ chỉ trả hộ cho người tiêu dùng. Như vậy, thuế TNDN là trả cho việc sử dụng nguồn lực xã hội của chủ thể công ty. Đến lượt các cổ đông, tất cả trong số họ đều chỉ đầu tư vốn vào để nhận được lợi nhuận là cổ tức. Rõ ràng, nếu theo quan điểm về nguyên tắc đánh thuế, họ cũng phải trả phí cho việc sử dụng các nguồn lực xã hội trong việc đầu tư vốn. Ít nhất, các nhà đầu tư cũng hoạt động trong một thị trường được tổ chức và quản lý bởi Nhà nước.

Hai chủ thể công ty và cổ đông cùng hai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vốn rõ ràng là phân biệt, mặc dù cùng phải nằm trong một quy trình chung. Như vậy, khó có thể nói việc đánh thuế trên thu nhập cổ tức là “đánh thuế trùng” hay đánh thuế hai lần. Do đó, trước hết có thể khẳng định việc áp dụng thuế thu nhập cổ tức là có cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề áp dụng thuế thu nhập cổ tức ở Việt Nam cần phải xem xét các mục tiêu khi sử dụng loại thuế này như: phân phối lại và công bằng về thu nhập, định hướng kinh tế vĩ mô.

✓ *Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn.*

- Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

- Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán thì thu nhập chịu thuế được xác định là giá bán chứng khoán.

- Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán người nộp thuế sẽ được lựa chọn hai hình thức đóng thuế. Cách thứ nhất khấu trừ thuế theo một tỷ lệ nhất định trên giá chuyển nhượng, cách thứ hai sẽ áp dụng việc tạm thu theo một tỷ lệ nhất định trên giá chuyển nhượng chứng khoán, cuối năm sẽ quyết toán để xác định thu nhập.

✓ Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản.

- Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản theo từng lần chuyển nhượng trừ giá mua bất động sản và các chi phí liên quan, cụ thể như sau:

Giá chuyển nhượng bất động sản là giá theo hợp đồng tại thời điểm chuyển nhượng; Giá mua bất động sản là giá theo hợp đồng tại thời điểm mua.

Các chi phí liên quan được trừ căn cứ vào chứng từ, hoá đơn theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật liên quan đến quyền sử dụng đất; chi phí cải tạo đất, cải tạo nhà, chi phí san lấp mặt bằng; chi phí đầu tư xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng và công trình kiến trúc trên đất; các chi phí khác liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản.

Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản thì thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng bất động sản.

Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp không xác định được giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi trên hợp đồng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định có hiệu lực tại thời điểm chuyển nhượng.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ bất động sản trong những năm gần đây có đóng góp đáng kể trong nguồn thu thuế thu nhập cá nhân. Khi quỹ đất ngày càng hạn hẹp, đặc biệt ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất... thì việc chuyển nhượng đất đai càng trở nên phổ biến. Để tính thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, cơ quan thuế có thể áp dụng hai cách tính. Cách thứ nhất lấy giá chuyển nhượng bất động sản trừ đi giá mua và các chi

phí hợp lý khi thực hiện việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, việc xác định giá mua ban đầu là rất khó khăn, đặc biệt với tình trạng mua đi bán lại nhiều lần một mảnh đất như hiện nay. Mặt khác, để xác định chi phí hợp lý khi tiến hành chuyển nhượng cũng là một vấn đề khó thực hiện. Các chi phí như tiền công chứng, đo đạc, chi phí đi lại, giao dịch... buộc phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp mới có thể được coi là chi phí để trừ khi tính thuế.

Chính vì những bất cập nêu trên nên hầu hết cơ quan quản lý thực hiện tính thuế theo cách thức thứ hai là tính thuế trực tiếp trên giá chuyển nhượng. Cách tính này có ưu điểm nhanh gọn, chi phí hành thu thấp do không phải xác định giá mua cũng như chi phí dành cho việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, một bất cập nảy sinh đó là khi người nộp thuế chuyển nhượng thường ghi giá trên hợp đồng thấp hơn rất nhiều so với thực tế. Theo quy định của Luật thuế TNCN nếu giá trong hợp đồng quá thấp sẽ áp dụng khung giá sàn do Nhà nước quy định. Trong khi giá đất trên thị trường thay đổi từng ngày, thì khung giá đất của Nhà nước dường như chỉ nhích lên trong một khoảng thời gian nhất định và thường thấp hơn rất nhiều giá thực tế giao dịch. Chính những hạn chế này gây thất thoát lớn cho nguồn thu thuế của Nhà nước.

✓ Thu nhập chịu thuế khác.

Thu nhập chịu thuế khác là phần thu nhập của các khoản thu vượt trên 10 triệu đồng/lần phát sinh đối với từng loại thu nhập từ trúng thưởng xổ số, trúng thưởng dưới các hình thức khuyến mại, trò chơi có thưởng; thu nhập từ tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế, quà tặng là cổ phiếu, trái phiếu, quyền sở hữu doanh nghiệp, bất động sản.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nhận được thu nhập.

Luật thuế TNCN đã điều chỉnh gần như đầy đủ các loại thu nhập đang hình thành hiện nay. Việc tập hợp tất cả các loại thu nhập và điều chỉnh trong

cùng một sắc thuế tạo điều kiện cho người nộp thuế dễ dàng thực hiện và cơ quan quản lý cũng thuận lợi hơn khi áp dụng trong thực tiễn. Đối với mỗi nguồn thu nhập, Luật thuế TNCN cũng đã quy định rất cụ thể cách xác định từng loại tùy thuộc vào tính chất riêng biệt của từng nguồn. Việc phân loại này giúp cho quá trình tính thuế chính xác hơn và đảm bảo công bằng trong việc tính và thu thuế.

#### ***2.2.1.2. Về thu nhập được miễn thuế***

Bên cạnh việc quy định những khoản thu nhập chịu thuế, tại Điều 4, Luật thuế TNCN cũng quy định cụ thể về các thu nhập không chịu thuế, cụ thể gồm:

- Các khoản thu nhập trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp không thuộc diện chịu thuế như: Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trong hạn mức diện tích đất được giao của chủ hộ gia đình nông dân; Thu nhập từ sản xuất muối của chủ hộ diêm dân...

Sở dĩ có quy định như vậy là dựa trên cơ sở chính sách phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta hiện nay. Các hộ kinh doanh thuần nông ở Việt Nam hiện nay vẫn chiếm số lượng đông đảo, tính đến năm 2011 chiếm khoảng trên 70% lực lượng lao động cả nước. Trong khi đó thu nhập ở khu vực này vẫn ở mức thấp so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước, đặc biệt đối với dân cư ở vùng núi, vùng sâu vùng xa. Nếu áp dụng tính thuế thu nhập cá nhân với đối tượng này sẽ gây ra những phản ứng mạnh mẽ từ phía người dân, mặt khác do hiểu biết pháp luật chưa cao nên nếu thu thuế thì chi phí hành thu có thể cao hơn cả mức thuế ít ỏi thu được.

- Luật cũng quy định rõ các khoản thu nhập mang tính chất đãi ngộ, chính sách xã hội của Nhà nước thì không thuộc diện chịu thuế như: Phụ cấp ưu đãi người có công cách mạng trước năm 1945; Phụ cấp an ninh, quốc phòng; Các khoản trợ cấp cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội là

thương binh, bệnh binh và người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công cách mạng; Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp hoặc tiền bồi thường tai nạn lao động, trợ cấp thai sản, trợ cấp bệnh nghề nghiệp, trợ cấp giải quyết các tệ nạn xã hội, các khoản trợ cấp khác được hưởng từ NSNN; Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo qui định của Pháp luật...

- Cũng trên cơ sở kế thừa chính sách thuế hiện hành và để phù hợp với thực tế về phong tục tập quán của người Việt Nam, Luật thuế TNCN cũng quy định các thu nhập sau không thuộc diện chịu thuế: Tiền lương hưu do quỹ BHXH chi trả; Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha, mẹ đẻ, cha, mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; ông, bà nội ngoại với cháu nội, cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau; Thu nhập từ tài sản là bất động sản thừa kế, quà tặng giữa vợ với chồng; cha, mẹ đẻ, cha, mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; ông, bà nội ngoại với cháu nội, cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau. Việc quy định không tính thuế đối với thu nhập từ bất động sản đối với chuyển nhượng, cho tặng bất động sản giữa những người thân thích được hình thành trên quan điểm việc mua bán hoặc tặng cho giữa những đối tượng này thường không vì mục đích lợi nhuận. Việc chuyển nhượng, tặng cho chủ yếu là cách thức để hợp thức hóa việc sang tên, chuyển đổi quyền sử dụng bất động sản. Chính vì vậy mà việc quy định không đánh thuế đối tượng này là quy định hợp lý, tuy nhiên hiện nay nhiều đối tượng đã lợi dụng quy định này thực hiện các giao dịch mua bán bất chấp nhằm trốn thuế.

- Thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ, công trái, tín phiếu Kho bạc Nhà nước như chính sách hiện hành do đây là khoản vốn Nhà nước huy động để đầu tư các công trình trọng điểm theo chương trình của đất nước.

- Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở trong trường hợp người chuyển nhượng chỉ có 1 nhà duy nhất; có nhu cầu chuyển đổi chỗ

ở. Việc quy định như trên bởi người chuyển nhượng nhà phải chuyển nhượng nhà ở duy nhất trong một số hoàn cảnh đặc biệt. Thu nhập từ trường hợp này thường không mang tính chất kinh doanh hưởng lợi nhuận, do vậy Luật thuế TNCN không đưa đối tượng này vào các khoản thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên hiện nay do việc quản lý bất động sản còn lỏng lẻo, việc xác định một chủ thể chuyển nhượng nhà ở duy nhất hay không chủ yếu dựa vào sự tự nguyện khai báo của người nộp thuế. Chính điều này đã gây nên sự thất thu thuế không nhỏ cho Nhà nước.

- Không thu thuế đối với lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi từ bảo hiểm nhân thọ của các cá nhân. Quy định không tính thuế đối với tiền lãi gửi tiết kiệm gửi tại các tổ chức tín dụng hiện nay tạo ra nhiều nguồn dư luận trái chiều. Sở dĩ như vậy là do gửi tiền tiết kiệm vào các tổ chức tín dụng xét về bản chất chỉ là một dạng đầu tư, kinh doanh cũng giống như việc đầu tư vốn và hưởng lợi tức. Nếu so sánh với tiền gửi tiết kiệm, tính bảo toàn vốn cao, lãi suất cũng tương đối cao và ổn định, trong khi cổ tức có tỷ lệ rủi ro cao, phụ thuộc nhiều vào tính hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư. Xét tổng quan nếu không đánh thuế đối với lãi gửi tiết kiệm nhưng lại đánh thuế với cổ tức vô hình chung tạo nên sự không công bằng giữa hai ngành ngân hàng và chứng khoán.

### **2.2.1.3. Các khoản giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế**

#### **\* Giảm trừ gia cảnh**

Điều kiện giảm trừ: Theo quy định tại điều 19, Luật thuế thu nhập cá nhân thì: “*Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú*”. Với quy định trên thì cá nhân là đối tượng chịu thuế chỉ được giảm trừ gia cảnh khi hỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

+ Thu nhập được xác định để giảm trừ gia cảnh là thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế.

+ Áp dụng đối với cá nhân cư trú.

- *Mức giảm trừ*: Luật thuế thu nhập cá nhân đề cập đến 2 khoản giảm trừ gia cảnh gồm: giảm trừ chung cho người nộp thuế và giảm trừ cho người phụ thuộc.

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật thuế TNCN là quy định về khoản giảm trừ gia cảnh mặc dù đã được áp dụng ở các nước trên thế giới từ rất lâu (như: Luật Thuế TNCN của Philipine ban hành lần đầu tiên năm 1939 đã có quy định về giảm trừ gia cảnh, hay Luật thuế TNCN Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...). Giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân. Luật qui định mức giảm trừ gia cảnh gồm 2 phần:

+ Phần đối với người nộp thuế là đối tượng cư trú tại Việt Nam: 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm). Trên phương diện lý thuyết, lý do áp dụng các khoản giảm trừ chung thường xuất phát từ lập luận cho rằng mỗi cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, vì thế thu nhập đến ngưỡng này nên được miễn thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ chung ở nhiều nước còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN, qua đó giảm bớt gánh nặng cho cơ quan thuế trong việc kê khai, quyết toán thuế, nhất là khi số thuế thu được từ các đối tượng có thu nhập dưới ngưỡng thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong khi chi phí quản lý thu đối với các đối tượng này thường không nhỏ. Do nhu cầu sống của các cá nhân người nộp thuế rất khác nhau (nhu cầu tiêu dùng khác nhau, đặc điểm tiêu dùng của mỗi vùng mỗi khác...), việc đưa ra mức giảm trừ bao giờ cũng là vấn đề thường có nhiều ý kiến khác nhau (dư luận xã hội bao giờ cũng muốn có quy định ở mức cao).

+ Phần đối với người phụ thuộc: Các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc: Là các khoản giảm trừ áp dụng cho những người mà đối tượng nộp



thuế phải nuôi dưỡng (người phụ thuộc). Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng (bằng 40% mức giảm trừ của người nộp thuế). Những người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật như: các con, vợ/chồng, bố, mẹ, ông, bà... Thực tế ở các nước trong khu vực, mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc thường chỉ bằng 10% đến 50% mức giảm trừ của người nộp thuế. Tuy nhiên, phạm vi người phụ thuộc của các nước cũng có sự khác biệt và có các tiêu chí khác nhau. Mức giảm trừ quy định cho người phụ thuộc thường được quy định thấp hơn so với mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế. Song cũng có nước quy định mức giảm trừ cá nhân cho người nộp thuế cũng tương tự như người phụ thuộc (ví dụ, Anh và Mỹ). Nhiều nước khống chế số lượng người phụ thuộc được tính giảm trừ (ví dụ, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a.), song cũng có nước không khống chế (ví dụ, Mỹ, Anh). Cũng có nước không quy định riêng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và cho cá nhân người nộp thuế mà quy định một mức chung (ví dụ, Trung Quốc...).[3]

Trường hợp trong gia đình có nhiều người có thu nhập chịu thuế, thì việc tính giảm trừ đối với người phụ thuộc vào thu nhập chịu thuế của người nào là do gia đình tự lựa chọn và đăng ký theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ tính cho một người nộp thuế.

Mức giảm trừ gia cảnh trên đây áp dụng thống nhất cho cả người Việt Nam và người nước ngoài.

- *Nguyên tắc giảm trừ*: “Việc xác định mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế”. Quy định này về mặt lý luận thì hoàn toàn hợp lý nhưng xét về thực tiễn hành thu thì sẽ dẫn đến sự bất bình đẳng và chi phí hành thu rất cao. Ví dụ trong trường hợp với một đối tượng phụ thuộc nhưng được kê khai giảm trừ gia cảnh cho nhiều người.

Hoặc trường hợp người nộp thuế làm việc cho nhiều nơi, và nơi nào cũng đăng ký giảm trừ gia cảnh. Khi quyết toán thuế, nếu cơ quan thuế không kiểm soát được vô hình chung gây thất thoát nguồn thu của Nhà nước đồng thời gây sự bất bình đẳng cho những người nộp thuế chấp hành đúng quy định pháp luật. Thực tế cho thấy để kiểm soát được số lượng người phụ thuộc được giảm trừ theo đúng nguyên tắc trên đòi hỏi hệ thống quản lý phải thật hoàn chỉnh, chi tiết đặc biệt phải tin học hóa hệ thống thông tin dữ liệu toàn ngành. Để đạt được những điều kiện này cần một khoảng thời gian và sự đầu tư tương đối lớn.

- *Xác định người phụ thuộc*: Người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm:

+ Con dưới 18 tuổi căn cứ vào giấy khai sinh.

+ Con trên 18 tuổi bị tàn tật và không có khả năng lao động căn cứ vào giấy khai sinh và giấy xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền về tàn tật và không có khả năng lao động.

+ Con đang theo học tại các trường: đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức thu nhập quy định. Căn cứ để xác định đối tượng này là giấy khai sinh, thẻ học sinh, sinh viên hoặc giấy tờ khác có liên quan.

+ Các cá nhân khác là người ngoài độ tuổi lao động hoặc người trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật như vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng... nhưng không có khả năng lao động, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá mức thu nhập quy định.

\* ***Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo***

- *Điều kiện giảm trừ*: Luật thuế thu nhập cá nhân quy định: “Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá

nhân cư trú”. Như vậy, điều kiện giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo giống với giảm trừ gia cảnh.

- *Các trường hợp được giảm trừ:*

+ Khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa. Các cơ sở này phải được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31/05/2001 của Chính phủ ban hành quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội.

+ Khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học. Các quỹ này phải được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Việc đưa ra các khoản giảm trừ “đặc thù” này dựa trên cơ sở các chính sách khuyến khích của Nhà nước với các hoạt động như tham gia đóng góp từ thiện, nhân đạo nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng.

#### **2.2.1.4. Thu nhập tính thuế**

- Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Mục I, Phần B, Thông tư 84/2008/TT-BTC ban hành ngày 30/8/2008 hướng dẫn một số điều của thuế TNCN quy định:

Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ các khoản sau:

+ Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác theo quy định của pháp luật.

+ Các khoản giảm trừ gia cảnh.

+ Các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Thu nhập chịu thuế đối với cá nhân vừa có thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, vừa có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế từ kinh doanh cộng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.

- Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, trúng thưởng, tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại, nhận thừa kế, quà tặng là thu nhập chịu thuế.

#### ***2.2.1.5. Về thuế suất***

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp được xác định theo thuế suất toàn phần và biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng chung cho cả người Việt Nam và người nước ngoài. Điều 22, và Điều 23 Luật thuế TNCN quy định cụ thể về các biểu thuế áp dụng cho từng loại thu nhập tính thuế khác nhau của người nộp thuế:

✓ *Biểu thuế lũy tiến từng phần*: áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công, do đây là khoản thu nhập có tính chất phổ biến, thường xuyên, ổn định của cá nhân trong năm nên mức thu nhập tính thuế được tính theo năm và tạm thu theo tháng.

- Biểu thuế gồm 7 bậc với các mức thuế suất: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, thuế suất thấp nhất là 5% và thuế suất cao nhất là 35% (Hiện hành: gồm 5 bậc thuế suất với mức thấp nhất là 10% và cao nhất là 40%).

Biểu thuế này sẽ làm cho mức động viên về thuế thấp hơn so với pháp lệnh cũ, thể hiện chủ trương “khoan sức dân” của Đảng, Nhà nước. Đồng thời mức điều tiết hợp lý sẽ tạo điều kiện để nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật trong kê khai, nộp thuế; giảm thiểu các hiện tượng vi phạm pháp luật về thuế như trốn thuế, gian lận thuế. Mặc dù mức động viên về thuế giảm nhưng tổng số thu về thuế thu nhập cá nhân vẫn đảm bảo cơ cấu hợp lý và

tăng dần cùng với sự tăng trưởng kinh tế và sự gia tăng của cá nhân có thu nhập trên mức trung bình của xã hội.

Kinh nghiệm chung trên thế giới cũng cho thấy với thuế suất hạ xuống và tỷ lệ động viên về thuế giảm ở mức hợp lý sẽ hạn chế trốn lậu thuế vì người ta ý thức được rằng việc chấp nhận mức thuế thấp có thể chịu đựng được còn hơn bị phạt nếu cơ quan thuế phát hiện gian lận thuế vừa mất danh dự vừa mất số tiền bị phạt lớn hơn.

**Biểu 2.1:** Biểu thuế lũy tiến từng phần

<b>Bậc thuế</b>	<b>Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)</b>	<b>Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)</b>	<b>Thuế suất (%)</b>
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Luật quy định mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế theo mức 4 triệu đồng/tháng, người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng áp dụng chung cho cả người Việt Nam và người nước ngoài thì với biểu thuế suất này, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của người Việt Nam và người nước ngoài đều giảm, riêng thu nhập 100 triệu đồng/tháng, số thuế sẽ giảm nhiều vì Biểu thuế hiện hành phải nộp thuế suất lũy tiến 40% nay giảm xuống còn 35%). Ngoài ra so với một số nước trong khu vực như: Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan thì với mức giảm trừ gia cảnh này, số thuế thu nhập mà cá nhân phải nộp tại Việt Nam đều thấp hơn các nước.[11]

**Biểu 2.2. BIỂU SO SÁNH CHIẾT GIẢM GIA CẢNH VỚI THU NHẬP QUỐC DÂN BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI  
CỦA CÁC NƯỚC VÀ VIỆT NAM**

*Đơn vị tính: USD*

Tên nước	Trung Quốc	Malaysia	Thái Lan	Indonesia	Việt Nam	
					Hiện hành	Dự kiến 2009
<b>I. GDP bình quân đầu người</b>	1.274	4.867	2.623	977 USD	630	1.000
<b>II. Chiết giảm gia cảnh</b>	1.201	3.252	4.339	1.834	3.750	6.600
<b>Trong đó:</b>						
<b>1. Cá nhân người nộp thuế</b>	1.201	2,168	2.367	1.310	3,750	3.000
<b>2. Có gia đình</b>		813	789	131		1.200*
<b>3. Người phụ thuộc</b>		271	1.183 (3 xuất)	393 (3 xuất)		2.400 (2 xuất)
<b>III. Chiết giảm gia cảnh/GDP bình quân đầu người</b>	0,94	0,67	1,66	1,88	5,96	6,60
<b>VI. Tỷ giá hối đoái</b>	7,99CNY	3,69 MYR	38,02 Baht	9.065IDR	16.000VNĐ	16.000 VNĐ

*(Nguồn: Báo cáo Cục thuế TP. Hồ Chí Minh)*

**Biểu 2.3. SO SÁNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP THEO LUẬT THUẾ TNCN  
VỚI MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC**

Thu nhập chịu thuế bình quân tháng		Số thuế phải nộp đối với trường hợp người nộp thuế là độc thân (USD)				Số thuế phải nộp đối với trường hợp người nộp thuế có 2 người phụ thuộc (USD)			
VNĐ	USD	Việt Nam	Trung Quốc	Malaysia	Thái lan	Việt Nam	Trung Quốc	Malaysia	Thái lan
8.000.000	500	12,50	44,38	6,76	31,25	2,5	44,38	4,72	25,00
10.000.000	625	21,88	63,13	10,51	43,75	8,8	63,13	8,47	37,50
20.000.000	1.250	103,13	183,13	70,70	127,08	73,1	183,13	61,89	114,58
50.000.000	3.125	515,63	584,38	512,11	606,25	465,6	584,38	493,82	587,50
100.000.000	6.250	1.484,38	1.423,13	1.360,09	1.543,75	1.414,4	1.423,13	1.341,09	1.525,00

*(Nguồn: Báo cáo Cục thuế TP. Hồ Chí Minh)*

✓ *Biểu thuế suất toàn phần*: Biểu thuế suất toàn phần áp dụng đối với các loại thu nhập từ đầu tư (lãi tiền cho vay, lợi tức cổ phần...), thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và các khoản thu nhập khác (tiền bản quyền, trúng thưởng xổ số, khuyến mại, trò chơi có thưởng, thừa kế, quà tặng). Thuế thu nhập được tính và thu theo từng lần phát sinh thu nhập.

**Biểu 2.4.** Biểu thuế suất toàn phần

<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>Thuế suất (%)</b>
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật thuế TNCN.	20
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật thuế TNCN.	0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật thuế TNCN.	25
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật thuế TNCN.	2

### **2.3.1.6. Về thuế TNCN với đối tượng không cư trú tại Việt Nam**

Thuật ngữ cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú trong lĩnh vực thuế được các nước quy ước để phân chia quyền đánh thuế của mỗi quốc gia đối với thu nhập của cá nhân và được sử dụng trong các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của Việt Nam với 46 nước. Do đặc điểm cá nhân không cư trú là cá nhân không có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam hoặc chỉ có mặt ở Việt



Nam dưới 183 ngày nên khó xác định các chi phí liên quan tạo ra thu nhập như đối với cá nhân cư trú. Vì vậy để tạo thuận lợi cho cả người nộp thuế và cơ quan thu thuế, kế thừa quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế Luật thuế TNCN quy định thuế đối với cá nhân không cư trú tính theo tỷ lệ trên doanh thu hoặc số tiền người nộp thuế nhận được, cụ thể như sau:

Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, Luật quy định thuế được tính trên doanh thu: 1% đối với lĩnh vực thương mại, 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và 5% đối với lĩnh vực dịch vụ. Quy định như vậy là kế thừa chính sách hiện hành và tương đồng với các nước trong khu vực.

Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng thuế suất 20%. Với mức thuế suất 20% sẽ đảm bảo cạnh tranh về thu hút lao động với các nước trong khu vực.

Thuế đối với các loại thu nhập từ đầu tư vốn (lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi tiền cho vay, lãi trái phiếu, tín phiếu, lợi tức cổ phần và lợi tức từ các hình thức góp vốn kinh doanh khác), tiền bản quyền và trúng thưởng xổ số, thừa kế, quà tặng áp dụng thuế suất như đối với người cư trú nêu trên. Riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn thu 0,1%, thu nhập từ chuyển nhượng, chuyển đổi bất động sản tại Việt Nam thu 2% trên giá chuyển nhượng.

### **2.2.2. Đánh giá những mặt tích cực các quy định pháp luật Việt Nam về căn cứ tính thuế**

Nhìn chung khi triển khai thực hiện Luật này sẽ có tác động tích cực động viên một cách hợp lý thu nhập dân cư, khuyến khích mọi cá nhân ra sức lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập làm giàu chính đáng; Huy động nguồn lực cho Ngân sách Nhà nước cũng như nắm bắt thông tin, kiểm soát thu nhập của cá nhân, góp phần hạn chế tham nhũng, lãng phí, thể hiện:

#### **2.2.2.1. Đảm bảo công bằng khi xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập của cá nhân**

Hệ thống chính sách thuế Việt Nam được cải cách toàn diện từ năm

1990. Trong đó chính sách điều tiết về thuế đối với cá nhân có thu nhập được điều chỉnh bởi các luật và pháp lệnh thuế khác nhau: Đối với cá nhân có thu nhập trong lĩnh vực làm công ăn lương chịu sự điều chỉnh của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Đối với cá nhân kinh doanh, hộ cá thể trong lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ; các hộ cho thuê nhà; phương tiện vận tải; các cá nhân hành nghề độc lập là các đối tượng điều chỉnh bởi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Cá nhân có thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất là đối tượng điều chỉnh của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Cụ thể, theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao cùng là thu nhập của cá nhân nhưng thu nhập từ kinh doanh thì không được trừ khởi điểm và nộp thuế theo mức 28%, trong khi thu nhập từ tiền công, tiền lương trên mức khởi điểm 5 triệu đồng/tháng mới phải nộp thuế và áp dụng thuế suất lũy tiến từng phần từ 10% đến 40%. Mặt khác, Pháp lệnh còn áp dụng biểu thuế khác nhau giữa người Việt Nam và người nước ngoài, người Việt Nam phải nộp thuế cao hơn người nước ngoài. Chính sách thuế trước đây cũng chưa phù hợp với thông lệ quốc tế: chưa có một chính sách thuế điều tiết thống nhất đối với thu nhập của cá nhân. Việc duy trì các chính sách thuế như vậy sẽ hạn chế việc khuyến khích cá nhân tích cực lao động, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Do mỗi loại thu nhập có một chính sách điều tiết thuế khác nhau, chưa có một chính sách thuế áp dụng chung cho thu nhập từ kinh doanh, hành nghề độc lập, thu nhập từ làm công nên việc thu thuế của các cá nhân này còn chưa đầy đủ. Nhà nước chỉ thu được thuế đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập của những cá nhân kinh doanh tuân thủ pháp luật, dẫn đến không công bằng giữa các cá nhân nộp thuế.

Trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ của thị trường và các thành phần kinh tế, yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và đa dạng. Luật

thuế thu nhập cá nhân không có sự phân biệt giữa thu nhập từ kinh doanh hay thu nhập từ tiền lương tiền công. Cả hai loại thu nhập trên đều áp dụng chung mức thuế suất (từ 5% đến 35%) và đều được tính giảm trừ gia cảnh khi xác định thu nhập tính thuế. Thêm vào đó, Luật thu nhập cá nhân không phân chia ra loại thu nhập của người Việt Nam hay người nước ngoài. Thay vào đó, Luật phân loại đối tượng nộp thuế thành cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú căn cứ vào thời gian họ sống và làm việc tại Việt Nam. Như vậy, việc ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2009 trên cơ sở thống nhất 3 sắc thuế nêu trên đã góp phần tăng cường công tác kiểm soát, phân phối thu nhập và điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách thuế để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới, góp phần đảm bảo tính ổn định và nguồn lực cho ngân sách Nhà nước.

#### ***2.2.2.2. Đảm bảo công bằng khi điều tiết các khoản thu nhập của cá nhân***

Với mục tiêu được quán triệt rõ ràng khi xây dựng Luật thuế TNCN là khoan sức dân, điều tiết thuế công bằng, bình đẳng, khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp trên cơ sở: có thu nhập là phải nộp thuế và thu nhập bất kể dưới hình thức nào cũng phải nộp thuế. Luật thuế TNCN quy định thuế TNCN được áp dụng thống nhất để điều chỉnh các loại thu nhập của cá nhân thay vì mỗi loại thu nhập được điều chỉnh bởi một sắc thuế khác nhau.

*Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh:* Bao gồm các khoản thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng hàng hoá dịch vụ của cá nhân hành nghề độc lập như bác sỹ, luật sư,... Luật thuế thu nhập cá nhân chuyển cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; cá nhân hành nghề độc lập; cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn hiện đang nộp thuế TNDN theo Luật thuế TNDN 2003 sang nộp thuế TNCN. Quy định này nhằm đảm bảo tính công bằng trong điều tiết thu nhập

bởi đã là cá nhân có thu nhập chịu thuế thì dù thu nhập từ bất kỳ nguồn nào cũng đều được đối xử như nhau, tức là đều chịu thuế TNCN thông qua việc áp dụng chung biểu thuế và cùng được giảm trừ gia cảnh đồng thời góp phần tăng thêm nguồn thu cho NSNN.

Trước đây nếu thu thuế theo thuế TNDN 2003 đã không thể hiện sự công bằng giữa cá nhân kinh doanh và cá nhân không kinh doanh. Ví dụ: A sản xuất kinh doanh thu nhập 10 triệu/tháng sau khi trừ chi phí hợp lý A nộp thuế:  $10 \text{ triệu} \times 28\% = 2,8 \text{ triệu}$  đồng; trong khi đó B thu nhập từ lương 10 triệu/tháng, B nộp thuế tính theo Pháp lệnh:  $(10 \text{ triệu} - 5 \text{ triệu}) \times 10\% = 500$  nghìn đồng; còn nếu tính theo Luật thuế TNCN thì số thuế cả A, B phải nộp là 750.000 đồng. Quy định trước đây còn không công bằng giữa cá nhân không kinh doanh trên ngưỡng chịu thuế suất cao nhất (40%) và cá nhân kinh doanh có thu nhập cao. Ví dụ: C, D cùng có thu nhập 100 triệu/tháng nhưng A nộp thuế theo Pháp lệnh thì sẽ phải nộp 31,5 triệu; B là kinh doanh sau khi trừ chi phí thì số thuế nộp là 28 triệu. Quy định không công bằng giữa hộ kinh doanh nhỏ với các doanh nghiệp thường là những đơn vị kinh doanh có quy mô lớn vì Luật thuế TNDN 2003 áp dụng thuế suất chung cho đối tượng nộp thuế, việc áp dụng này là quá cao đối với hộ cá nhân kinh doanh. Do đó việc chuyển các đối tượng trên sang nộp thuế TNCN là phù hợp theo chính sách thuế hiện hành thì khoản thu nhập này thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Luật thuế TNCN đưa loại thu nhập này vào diện điều chỉnh nhằm thực hiện điều tiết bình đẳng thu nhập của cá nhân không phân biệt thu nhập từ kinh doanh hay thu nhập từ tiền lương, tiền công.

*Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn.* Thời gian vừa qua số lượng doanh nghiệp cổ phần chưa nhiều, thị trường vốn chưa phát triển, để khuyến khích mọi người đầu tư, chính sách thuế hiện hành chưa thu đối với khoản thu nhập này. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với sự phát triển

nhanh chóng của thị trường, số lượng người đầu tư vào các thị trường vốn bao gồm cả cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài tăng lên, số lượng người nắm giữ cổ phần của các doanh nghiệp cũng tăng, khoản thu nhập từ đầu tư vào thị trường vốn cũng tăng lên đáng kể. Do đó việc thu thuế đối với khoản thu nhập này là thực hiện mục tiêu công bằng và kiểm soát thu nhập. Để đảm bảo vừa đạt mục tiêu trên, vừa khuyến khích thị trường tài chính phát triển, Luật qui định thu với mức thuế suất thấp hơn hiện hành đối với doanh nghiệp và thấp hơn so với các nước trong khu vực.

*Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản.* Cá nhân có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất trước đây nộp thuế theo Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất năm 1994 tuy nhiên theo Luật thuế thu nhập cá nhân sẽ chuyển sang nộp thuế TNCN. Trong điều kiện hiện nay những giao dịch về bất động sản mang lại nguồn thu nhập rất lớn cho cá nhân mà theo các quy định cũ họ chỉ phải đóng thuế suất chuyển quyền sử dụng tính trên giá đất. Vì thế đã làm mất đi một nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và bất bình đẳng giữa cá nhân không kinh doanh và cá nhân kinh doanh vì cá nhân kinh doanh chịu sự điều chỉnh của thuế TNDN 2003 sẽ phải nộp thuế cho thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất với thuế suất 28% trong khi đó cá nhân không kinh doanh chỉ nộp thuế CQSDĐ với thuế suất 2% hoặc 4% tùy loại đất. Như vậy, cùng với điểm mới trên thì thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất được quy định chung trong thuế TNCN do đó sẽ không còn sự bất bình đẳng giữa cá nhân phải nộp loại thuế này và tránh thất thu ngân sách Nhà nước.

*Thu nhập từ bản quyền* đã có quy định từ trước trong thu nhập chuyển giao công nghệ nhưng nay được bổ sung thêm các quyền liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Quy định này nhằm đảm bảo các cam kết của Việt Nam với các nước khi gia nhập vào WTO. Đây là quy định bảo vệ quyền và lợi ích của người phát minh ra các sản phẩm trí tuệ, góp phần khuyến khích sử dụng sản phẩm khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới, thúc đẩy quá trình phát triển

công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước mở rộng diện điều tiết như trên sẽ góp phần điều tiết công bằng thu nhập của các tầng lớp dân cư theo hướng mọi cá nhân có thu nhập (trừ trường hợp thu nhập rất thấp và một số trường hợp đặc biệt) đều phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

*Thu nhập chịu thuế khác.* Một số khoản thu nhập trước đây tạm thời chưa thu thuế như thu nhập từ đầu tư vốn (gồm lãi cho vay, lợi tức cổ phần và thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác); thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán thì nay đã đưa vào thu nhập chịu thuế trong Luật thuế TNCN vì kinh tế ngày càng phát triển, đời sống nhân dân dần được cải thiện nên số tiền nhàn rỗi trong xã hội gia tăng đã được người dân đưa vào đầu tư làm tăng thu nhập cho chính họ. Do đó, việc thu thuế đối với thu nhập này góp phần thực hiện mục tiêu công bằng, kiểm soát thu nhập và khuyến khích thị trường tài chính phát triển. Tuy nhiên, phần thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngân hàng, các quỹ tín dụng và các tổ chức tín dụng khác) và lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được miễn thuế TNCN. Việc miễn thuế này nhằm mục đích thu hút khoản tiền nhàn rỗi nhỏ lẻ trong dân cư vào các kênh tín dụng, để từ đó sử dụng vốn của nền kinh tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của xã hội.

Bằng những quy định hiện hành, Luật thuế TNCN sẽ góp phần tăng thu cho ngân sách Nhà nước một cách hợp lý trên cơ sở không bỏ sót nguồn thu của nền kinh tế như vậy, Luật Thuế TNCN bao quát hầu hết các nguồn thu nhập của cá nhân. Theo đó, thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau, tính chất thu nhập khác nhau nhưng đều là đối tượng chịu thuế TNCN.

### ***2.2.2.3. Đảm bảo công bằng khi xem xét hoàn cảnh của người nộp thuế***

Một mâu thuẫn thường xảy ra khi xây dựng chính sách thuế là đơn giản thì không thực hiện được mục tiêu công bằng và phức tạp thì khó quản lý nhưng đạt được mục tiêu công bằng. Biểu thuế thu nhập của Việt Nam trước

đây theo đuổi mục tiêu đơn giản tức là không quy định mức giảm trừ gia cảnh và coi mức khởi điểm chịu thuế có chứa đựng yếu tố này. Quy định này có ưu điểm là dễ thu trong quản lý thuế, nhưng có nhược điểm lớn là không thể hiện rõ cho mọi người thấy số thu nhập không phải chịu thuế và không đảm bảo được công bằng trong phân phối thu nhập nói chung và công bằng giữa những người nộp thuế nói riêng.

Quy định về giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân của các nước trên thế giới đã được áp dụng từ lâu. Tuy có khác nhau về mức nhưng cơ bản về tiêu thức để được giảm trừ không khác nhau nhiều. Giảm trừ gia cảnh nhằm hướng tới mục tiêu của nguyên tắc “lợi ích”, “công bằng” và “khả năng nộp thuế”. Điều này có nghĩa là người dân có mức thu nhập trên mức thu nhập bình quân của xã hội mới phải nộp thuế nhằm đảm bảo đủ điều kiện sinh sống của người dân và phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam. Đồng thời, những người nộp thuế có thu nhập ngang nhau nhưng người có hoàn cảnh khó khăn hơn sẽ được giảm trừ nhiều hơn nên sẽ nộp thuế ít hơn. Áp dụng giảm trừ gia cảnh thì dù hai người nộp thuế cùng một mức thu nhập nhưng có hoàn cảnh khác nhau thì số thuế phải nộp khác nhau. Điều này làm cho việc xác định nghĩa vụ thuế của mỗi đối tượng nộp thuế được công bằng hơn. Điều 19 Luật thuế TNCN quy định mức giảm trừ cho bản thân đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng, cho mỗi người phụ thuộc mà đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng là 1.6 triệu đồng/tháng.

Việc giảm trừ cho người phụ thuộc được thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế. Những người phụ thuộc được giảm trừ khá rộng, bao gồm: con chưa thành niên, con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, con tàn tật không có khả năng lao động; các cá nhân khác không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng thấp hơn mức quy định của Chính phủ hoặc không có nơi nương

tự mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng (gồm cha, mẹ, vợ chồng, cô, dì, chú, bác, cháu...).

Ví dụ: cùng là cá nhân có thu nhập 10 triệu đồng/tháng nhưng nếu là người độc thân thì phải nộp thuế là 0,35 triệu, nếu phải nuôi 1 con thì phải nộp 0,22 triệu, nuôi 3 con là 0,14 triệu, nuôi 3 con là 0,06 triệu và nếu có 4 người phải nuôi dưỡng thì không phải nộp thuế.

Luật thuế TNCN của Việt Nam quy định mức giảm trừ gia cảnh gồm hai phần: phần đối với người nộp thuế và phần đối với những người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Có thể nói đây là một trong những điểm mới quan trọng thể hiện tính ưu việt, đổi mới mang tính toàn diện của Luật thuế TNCN Việt Nam, giúp Việt Nam từng bước hội nhập với khu vực và thế giới

Áp dụng giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo. Điều 20 Luật Thuế TNCN quy định khoản đóng góp từ thiện nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế nhưng chỉ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh; không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác. Với quy định này, Luật đã khuyến khích mọi công dân trong xã hội tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Đồng thời, đây cũng chính là một khoản "chi tiêu qua thuế" của Nhà nước, thể hiện ở chỗ một khoản thu lẽ ra được nộp về ngân sách Nhà nước bây giờ được chuyển sang cho đối tượng thụ hưởng khoản đóng góp từ thiện. Chẳng hạn như, một người có thu nhập từ kinh doanh trước thuế của một năm 360 triệu đồng (thu nhập bình quân tháng 30 triệu đồng) thực hiện góp quỹ ủng hộ đồng bào lụt 10 triệu đồng. Khi đó, 10 triệu đồng này được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế. số thuế Nhà nước giảm thu khi cho cá nhân này giảm trừ vào thu nhập tính thuế là 2 triệu đồng. Có thể hiểu trong trường hợp này, coi như Nhà nước đã sử dụng ngân sách góp vào quỹ ủng hộ đồng bào bão lụt 2 triệu



đồng, còn cá nhân này thực ra chỉ ủng hộ 8 triệu đồng. Quy định giảm trừ chi phí cho cá nhân kinh doanh một cách hợp lý cùng với việc chuyển cá nhân kinh doanh từ diện nộp thuế TNDN sang nộp thuế TNCN, Luật thuế TNCN đã quy định các khoản chi phí hợp lý được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân kinh doanh.

#### ***2.2.2.4. Đảm bảo công bằng khi điều tiết hợp lý khả năng nộp thuế***

Đối với thuế TNCN nói riêng, thuế suất còn là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập. Luật thuế TNCN quy định biểu thuế lũy tiến từng phần gồm 7 bậc thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh và tiền công tiền lương thống nhất giữa người Việt Nam và người nước ngoài. Biểu thuế này sẽ làm cho mức động viên về thuế thấp hơn so với hiện hành đã thể hiện chủ trương “khoan sức dân” của Đảng, Nhà nước. Đồng thời mức điều tiết hợp lý tạo điều kiện để nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật trong kê khai, nộp thuế; giảm thiểu các hiện tượng vi phạm pháp luật về thuế như trốn thuế, gian lận thuế. Việc thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân sẽ tạo ra hành lang pháp lý thống nhất điều chỉnh thu nhập của các cá nhân hành nghề độc lập, cá nhân tự kinh doanh, tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng có công cụ hữu hiệu để kiểm tra, quản lý thu nhập của cá nhân. Do vậy, mặc dù mức động viên về thuế giảm nhưng tổng số thu về thuế thu nhập cá nhân vẫn đảm bảo cơ cấu hợp lý và tăng dần cùng với sự tăng trưởng kinh tế và sự gia tăng của cá nhân có thu nhập trên mức trung bình của xã hội.

*Đối với cá nhân cư trú:* Luật thuế TNCN đã xây dựng hai biểu thuế để áp dụng đối với cá nhân không cư trú, không phân biệt người Việt Nam - người nước ngoài như Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2003. Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công So với Pháp lệnh, Luật tăng số bậc thuế suất từ 4 bậc lên 7 bậc, nhưng lại giảm khoảng

cách giữa các bậc thuế từ 10 xuống còn 5(%). Đồng thời, Luật cũng giảm mức thuế suất thấp nhất, giảm cả mức thuế suất cao nhất (tương ứng chỉ còn 5% và 35%). Có thể nói, mức thuế suất cao nhất mà Luật quy định là tương đồng với pháp luật một số nước trong khu vực: Malaysia 34%, Thái Lan 37%, Ấn Độ 35%, Trung Quốc 45%. Mặt khác, mức 35% cũng giúp bảo đảm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước trong hoàn cảnh Việt Nam phải thực hiện những cam kết quốc tế về cắt giảm thuế nhập khẩu. [5]

Hơn nữa, Luật có một tiến bộ rất quan trọng là loại bỏ khỏi thu nhập tính thuế các khoản được giảm trừ. Do đó, biểu thuế lũy tiến từng phần mới sẽ làm giảm mức động viên về thuế đối với mỗi cá nhân để người dân tự giác kê khai, nộp thuế và hạn chế hiện tượng trốn thuế, gian lận thuế. Chúng ta có thể thấy rõ mức động viên về thuế đối với mỗi cá nhân sẽ giảm như thế nào khi áp dụng Luật thông qua ví dụ sau: Ông A có thu nhập chịu thuế là 15 triệu đồng/tháng và có 3 người phụ thuộc. Theo Pháp lệnh, ông A phải đóng số thuế là:  $15 \text{ triệu} \times 10\% = 1.5 \text{ triệu đồng}$ . Theo Luật có hiệu lực vào ngày 01/01/2009, thu nhập tính thuế của ông A chỉ còn là:  $15 \text{ triệu} - 4 \text{ triệu} - (3 \text{ người} \times 1.6 \text{ triệu}) = 6.2 \text{ (triệu đồng)}$ . Do đó, ông A phải đóng số tiền thuế là:  $5 \text{ triệu} \times 5\% + 1.2 \text{ triệu} \times 10\% = 370 \text{ (nghìn đồng)}$ . Rõ ràng, dù thu nhập chịu thuế hàng tháng của ông A không thay đổi, song ông ta sẽ được giữ lại nhiều hơn phần thu nhập của mình. Phần nhiều hơn này nhìn chung là có ý nghĩa đối với bản thân cũng như gia đình ông A vì nó tương đối đáng kể so với thu nhập chịu thuế hàng tháng của ông A.

Biểu thuế toàn phần áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, trúng thưởng, tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại, nhận thừa kế, quà tặng. Trên cơ sở bổ sung các khoản thu nhập chịu thuế, Luật đã xây dựng một biểu thuế suất toàn phần. Bên cạnh đó, một số loại thu nhập chịu thuế mà Luật kế thừa Pháp lệnh cũng

được thay đổi cách tính thuế. Khoản 2 Điều 12 Pháp lệnh quy định: thu nhập về trúng thưởng xổ số trên 15 triệu đồng/lần được tính theo thuế suất 10%/tổng số thu nhập. Còn căn cứ khoản 1 Điều 15 và Biểu thuế toàn phần trong Luật thuế TNCN, ta có cách tính thuế khác: thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng = thu nhập tính thuế = phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo từng lần trúng giải; và mức thuế suất là 10%. Như vậy, so với Pháp lệnh, Luật đã tăng diện chịu thuế từ trúng thưởng xổ số. Hiện tại, trúng thưởng xổ số 11 triệu đồng thì không phải nộp thuế thu nhập, nhưng khi Luật có hiệu lực thì người trúng thưởng được 11 triệu đồng phải nộp thuế. Tuy nhiên số thuế huy động đối với mỗi lần trúng thưởng lại giảm. Chẳng hạn, B trúng thưởng xổ số 20 triệu đồng. Căn cứ Pháp lệnh, B phải nộp vào ngân sách Nhà nước  $20 \text{ triệu} * 10\% = 2$  (triệu đồng). Áp dụng Luật thuế TNCN hiện hành, B chỉ phải nộp số thuế là:  $(20 \text{ triệu} - 10 \text{ triệu}) * 10\% = 1$  (triệu đồng). Luật quy định như vậy là có lợi hơn cho cá nhân có thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng xổ số. Tuy nhiên, phải khẳng định rằng có lợi hơn cho người dân không đồng nghĩa với việc Nhà nước bị thua thiệt hơn. Bởi lẽ, phải nhắc lại rằng Luật đã bổ sung được các khoản thu nhập chịu thuế mà trước đây chưa được tính đến; đồng thời Luật đã giảm mức khởi điểm chịu thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng xổ số.

*Đối với cá nhân không cư trú:* Luật đã giảm mức thuế suất đối với tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú phát sinh tại Việt Nam do thực hiện công việc tại Việt Nam (không phân biệt nơi trả thu nhập). Nếu theo Pháp lệnh, đối với thu nhập thường xuyên (trong đó có tiền lương, tiền công) của người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, áp dụng thuế suất 25%/tổng thu nhập chịu thuế; mà thu nhập chịu thuế bằng thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Luật quy định tính thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú bằng 20% tổng tiền lương, tiền công có được do

thực hiện công việc tại Việt Nam hay chính là tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, qua thực tế áp dụng thuế TNCN tại Việt Nam cho thấy về chính sách thuế TNCN đã bộc lộ một số điểm bất hợp lý, không còn phù hợp với sự biến đổi của tình hình kinh tế xã hội, cũng như cách thức quản lý còn nhiều hạn chế, tồn tại.

### **2.2.3. Những hạn chế còn tồn tại trong quy định pháp luật về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân**

Bên cạnh những tác động tích cực như nói trên, khi thực hiện Luật thuế TNCN cũng sẽ gặp phải những khó khăn cần giải quyết:

#### ***2.2.3.1. Về mức khởi điểm chịu thuế***

Về mức khởi điểm chịu thuế hay mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế mà Luật quy định 4 triệu đồng/người/tháng theo tôi là không hợp lý. Mức khởi điểm chịu thuế này chưa thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của cuộc sống hiện tại.

Thực tế từ năm 2009 đến nay, do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn, giá cả hàng hoá, dịch vụ tăng cao làm ảnh hưởng đến đời sống người nộp thuế. Để thực hiện việc giảm tỷ lệ động viên thuế, phí trên GDP theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020, đảm bảo tính ổn định của chính sách cho giai đoạn sau năm 2014, đồng thời để có sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước đối với người nộp thuế trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thì việc nghiên cứu điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh là cần thiết. Trên cơ sở tham chiếu sự biến động của các yếu tố: Tăng trưởng kinh tế: tăng trưởng GDP những năm qua và dự kiến những năm tới (giai đoạn 2011 – 2015) vào khoảng 6,5%-7% (theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội); GDP bình quân đầu người: năm 2009: 19,278 triệu đồng; 2011: 28,541 triệu đồng;

dự kiến 2014: 43,181-43,954 triệu đồng (theo Báo cáo Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2011-2015 của Chính phủ); Chỉ số CPI: năm 2009: 6,52%; năm 2010: 11,75%; 2011: 18.13%; dự kiến các năm sau CPI ở mức dưới 2 con số (theo Nghị quyết số 10/2011/QH13); Mức lương tối thiểu áp dụng đối với khu vực hành chính sự nghiệp: năm 2009: 650 nghìn đồng, năm 2011: 830 nghìn đồng, năm 2012: 1,050 triệu đồng, dự kiến năm 2014: 1,5 triệu đồng, năm 2015: 1,8 triệu đồng [31].

Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi mà khủng hoảng tài chính lan rộng, giá cả hàng hóa leo thang, nếu chỉ với 4 triệu đồng cho một người không thể đủ để chi phí cho các dịch vụ thông thường như điện nước, mua sắm các thiết bị gia đình chứ chưa kể đến các nhu cầu cao hơn như học tập nâng cao kiến thức, giải trí, du lịch... Vì vậy, đứng trước những đòi hỏi thực tế, Luật cần có sự sửa đổi nâng mức khởi điểm chịu thuế phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế.

#### ***2.2.3.2. Về các giảm trừ thuế***

Luật Thuế thu nhập cá nhân có đưa ra phần giảm trừ gia cảnh. Đây là một ưu điểm so với pháp lệnh trước đây về thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thể hiện sự công bằng hơn trong điều tiết thu nhập giữa người độc thân và người có gia đình phải nuôi ít hay nhiều người phụ thuộc. Tuy nhiên, để quy định về giảm trừ gia cảnh thực sự được tiến hành hiệu quả đòi hỏi Luật thuế TNCN phải tìm ra giải pháp để khắc phục những hạn chế nêu dưới đây:

Luật thuế TNCN hiện hành quy định mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng và mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng (không giới hạn số người phụ thuộc). Với mức giảm trừ hiện hành thì một người độc thân có thu nhập 4 triệu đồng/tháng chưa phải nộp thuế; người nộp thuế có thu nhập 7,2 triệu đồng/tháng mà có hai người phụ thuộc cũng chưa phải nộp thuế; người có thu nhập 10 triệu

đồng/tháng nếu có 01 người phụ thuộc thì số thuế phải nộp là 220 nghìn đồng, nếu có 02 người phụ thuộc thì tiền thuế phải nộp là 140 nghìn đồng (bằng 1,4% thu nhập chịu thuế), phần thu nhập sau khi nộp thuế của cá nhân là 9,86 triệu đồng (98,6% thu nhập chịu thuế). Thực hiện quy định này, tính đến hết năm 2011 có 12.647.286 cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và từ thu nhập khác, trong đó chỉ có khoảng 3,87 triệu người phải nộp thuế (chiếm khoảng 4,4% dân số cả nước); có khoảng 194 nghìn cá nhân, hộ kinh doanh phải nộp thuế (chiếm khoảng 0,2% dân số cả nước, khoảng 6% trên tổng số hộ) [5].

Mức giảm trừ gia cảnh này được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, mức thu nhập, chỉ tiêu trung bình của xã hội và tiền lương tối thiểu tại thời điểm Luật có hiệu lực năm 2009 (bằng khoảng 2,5 lần GDP bình quân đầu người tại thời điểm Luật có hiệu lực năm 2009). So với một số nước trong khu vực, ví dụ: Trung Quốc từ ngày 01/9/2011 quy định mức giảm trừ gia cảnh (không có quy định mức riêng cho bản thân người nộp thuế và mức cho người phụ thuộc) là 42.000 NDT/năm (tương đương 6.404 USD/năm và bằng 1,23 lần GDP bình quân đầu người năm 2011); In-đô-nê-xi-a quy định mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế là 15,84 triệu rupi/năm (tương đương 1.830 USD/năm và bằng khoảng 0,527 GDP bình quân đầu người năm 2011); Ma-lai-xi-a quy định mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế là 9.000 RM/năm (tương đương 2.687 USD/năm và bằng khoảng 0,312 lần GDP bình quân đầu người năm 2011), mức giảm trừ gia cảnh của Việt Nam tuy có tỷ lệ cao hơn (bằng khoảng 1,7 lần GDP bình quân đầu người năm 2011) nhưng do thu nhập bình quân đầu ở Việt Nam còn thấp nên mức giảm trừ gia cảnh về số tuyệt đối vẫn thấp so với các quốc gia trong khu vực [2].

Bên cạnh những người phụ thuộc là vợ, con của người có thu nhập, những người phụ thuộc là cha, mẹ hoặc những người phụ thuộc khác đã cao

tuổi ngày càng trở thành đối tượng phổ biến được tính giảm trừ. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy việc cơ quan quản lý nắm bắt được các đối tượng giảm trừ này lại chủ yếu dựa trên sự khai báo của người nộp thuế. Vì vậy, nếu người nộp thuế không tự giác đăng ký hoặc thay đổi thông tin dù thực tế người phụ thuộc đã chết hoặc đã được tính giảm trừ gia cảnh cho một đối tượng nộp thuế khác thì nay vẫn được tính giảm trừ lần thứ hai, thứ ba... và điều này gây ra thất thoát lớn cho nguồn thu thuế của Nhà nước.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, sự di chuyển của lực lượng lao động khiến một số lượng lao động lớn dồn về thành thị hoặc những nơi có các khu công nghiệp, khu chế xuất để tìm kiếm cơ hội việc làm. Điều này nảy sinh một vấn đề là bên cạnh khoản tiền ăn uống, chi phí điện nước, học tập cho con cái người lao động còn phải chi phí một khoản đáng kể cho việc thuê nhà và tiền đi lại...Tuy nhiên hiện nay, khoản tiền này lại không được xét là khoản chi phí được giảm trừ khi tính thuế.

### ***2.2.3.3. Về thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, cổ tức***

#### ***\* Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán***

Tại Điểm 2.2, Mục II, Phần B, Thông tư 84/2008/TT-BTC, quy định về căn cứ tính thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán có hai cách thức để tính thuế.

*Cách thứ nhất:* cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng 04 yêu cầu sau:

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:

- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.

- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

*Cách thứ hai:* cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Nếu NĐT chọn cách nộp thuế với thuế suất 20% thì phải đăng ký với cơ quan thuế trước ngày 31/12 của năm liền trước; phải lập, hoàn thiện chứng từ và chứng minh về những chi phí hợp lý, hợp lệ với cơ quan thuế; phải có sổ sách kế toán ghi chép cụ thể về giá mua – giá bán; bên cạnh đó vẫn phải tạm nộp 0,1% trên tổng giá trị mỗi lần chuyển nhượng chứng khoán và cuối năm mới thực hiện quyết toán thuế, nếu số thuế đã nộp còn thiếu thì nộp bổ sung và nếu thừa thì được nhận lại. Chính sự phức tạp và rất khó để thực hiện của cách nộp thuế này đã khiến phần lớn NĐT đều chọn cách nộp thuế tính 0,1% trên tổng giá trị mỗi lần chuyển nhượng. Bởi vì hầu hết NĐT là NĐT cá nhân nhỏ lẻ nên việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán cũng như việc thu thập chứng từ, hóa đơn để chứng minh chi phí bỏ ra trong quá trình đầu tư, mua bán chứng khoán là rất khó, thậm chí là không thể. Bên cạnh đó, việc giao dịch qua Internet, qua tin nhắn hay điện thoại hiện nay rất phổ biến, việc thu thập các hóa đơn điện tử là rất khó khả thi. Mặc dù hiện nay Việt Nam đã có Luật và Nghị định về giao dịch điện tử đồng thời Bộ Tài chính cũng đã có Thông tư hướng dẫn về hóa đơn điện tử trong lĩnh vực tài chính nên có thể áp dụng hóa đơn điện tử vào việc tính toán thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hóa đơn điện tử không thể phản ánh đầy đủ và chính xác tổng chi phí (gồm cả chi phí hữu hình và vô



hình) mà NĐT đã bỏ ra. Hơn nữa, việc xác định giá mua, bán chứng khoán trên thị trường niêm yết cũng khá phức tạp do cơ chế khớp lệnh tạo ra nhiều mức giá thực hiện khác nhau trong khớp lệnh liên tục.

Chính vì vậy mà cơ quan thuế đã đưa thêm cách nộp thuế thứ hai, đó là hình thức thuế khoán (nộp 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán mỗi lần giao dịch) và đại đa số các NĐT chọn (hoặc bị buộc phải chọn) cách đóng thuế này. Nếu NĐT chọn cách nộp thuế này thì chỉ việc nộp và thu thuế đơn giản hơn rất nhiều vì các công ty chứng khoán chỉ cần trích 0,1% giá trị của mỗi lần chuyển nhượng và nộp cho cơ quan thuế. Cách nộp thuế này giúp cho việc tính và nộp thuế được thực hiện dứt điểm sau mỗi lần giao dịch, không cần lưu hồ sơ giấy tờ và không phải thực hiện quyết toán thuế vào cuối năm. Tuy nhiên, thực tế này đã dẫn tới một điểm bất hợp lý, không nhất quán với tinh thần của Luật thuế TNCN là trong hoạt động chứng khoán có lãi mới phải nộp thuế. Mỗi lần giao dịch chứng khoán, NĐT bị tính thêm 0,1% tổng giá trị giao dịch (tương đương với việc công ty chứng khoán tăng thêm phí giao dịch 0,1%) dù giao dịch đó mang lại lãi hay lỗ cho NĐT. Trong thời gian qua, các NĐT bị thua lỗ không ít do tình hình đi xuống chung của thị trường chứng khoán thì việc vẫn phải nộp thuế đã gây tâm lý bức xúc cho các NĐT, họ cho rằng kinh doanh thua lỗ mà vẫn phải nộp thuế là một điểm rất bất hợp lý. Với các NĐT có tổng giá trị giao dịch lớn trong năm (từ vài chục đến cả trăm tỷ đồng), dù tỷ lệ thuế 0,1% thì khoản thuế họ phải nộp cũng không hề nhỏ. Khi thị trường thuận lợi thì khoản thuế 0,1% có thể là không đáng kể, nhưng khi thị trường chứng khoán có diễn biến âm ảm như thời gian vừa qua, khoản tiền thuế phải nộp khi thua lỗ cũng trở thành gánh nặng cho các NĐT. Việc áp thuế khi NĐT thua lỗ đã không khuyến khích NĐT bỏ thêm vốn vào TTCK, hạn chế giao dịch dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển của thị trường.

*\* Thu nhập chịu thuế từ cổ tức*

Theo quy định tại Điểm 1.2, Mục II, Phần B, Thông tư 84/2008/TT-BTC quy định về thu nhập từ đầu tư vốn: “Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 5%.” Hầu hết các nhà đầu tư đều cho rằng việc đánh thuế trên cổ tức là “thuế chồng thuế”. Chưa nói tới mức thuế suất 5%, nhiều ý kiến đã cho rằng đánh thuế cổ tức là có sự chồng chéo trong chính sách thuế, đánh thuế hai lần và đây là sự tận thu chưa công bằng. Khi NĐT nắm giữ cổ phiếu của một doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc họ là cổ đông hay là một chủ sở hữu của doanh nghiệp đó. Vì vậy, khi doanh nghiệp chịu thuế TNDN cũng có nghĩa là NĐT phải chịu. Doanh nghiệp trả cổ tức nghĩa là doanh nghiệp trích một phần trong tổng thu nhập của mình để trả cho những người có tên trong danh sách cổ đông, như vậy thì cổ tức đã phải chịu một lần thuế TNDN. Vậy thì khi cổ đông nhận cổ tức và phải chịu thêm mức thuế 5% sẽ bị thuế chồng lên thuế và không đúng với thuế TNCN.

Một bất cập nữa trong việc đánh thuế cổ tức là việc thu thuế TNCN của các NĐT chủ yếu ở các doanh nghiệp niêm yết, trong khi giao dịch tự do, mua bán trao tay và chủ yếu bằng tiền mặt thì không ai kiểm soát và cũng không phải đóng thuế nên nếu đánh thuế rất dễ dẫn đến việc NĐT sẽ không tham gia thị trường giao dịch chính thức, làm chậm tiến độ cổ phần hóa, hạn chế các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, việc tính thuế không công bằng, không hợp lý sẽ làm cho thị trường không phát triển mà còn có khả năng bị suy thoái như một số nước trước đây đã vấp phải.

Một điểm nữa cũng được đem ra bàn luận nhiều, đó là sự chưa công bằng khi đánh thuế đối với cổ tức. Nếu so sánh với tiền gửi tiết kiệm, tính bảo toàn vốn cao, lãi suất cũng tương đối cao (tính từ thời điểm đưa ra Dự thảo Luật thuế TNCN, lãi suất trên dưới 10%/năm tới nay, lãi suất có những lúc đã tăng lên 18,19%/năm) mà chưa bị đánh thuế trên lãi tiền gửi tiết kiệm. Trong

khi cổ tức có tỷ lệ rủi ro cao hơn, phụ thuộc nhiều vào tình hình sản xuất kinh doanh của DN, NĐT phải bỏ nhiều thời gian và chi phí nhất định để tìm những địa chỉ đầu tư với tỷ lệ cổ tức sinh lợi cao, nhưng phần lớn các công ty cổ phần vẫn đưa ra mức cổ tức hàng năm dưới 15%. Bên cạnh đó, cổ đông còn phải đối mặt với tình hình lạm phát liên tục tăng cao. Xét tổng quan thì như vậy là không công bằng giữa hai ngành ngân hàng và chứng khoán. Phản hồi lại các ý kiến trái chiều là các ý kiến của những người trong ngành, và có kinh nghiệm lâu năm. Các ý kiến được đưa ra nêu rõ, đây là việc đóng thuế của hai chủ thể khác nhau, doanh nghiệp thì đóng thuế TNDN còn cá nhân thì đóng thuế TNCN. Điều này cũng giống như người mua hàng vẫn phải chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt. Các sắc thuế này khác nhau nên không thể coi là đánh thuế trùng thuế. Nếu xét trên khía cạnh kinh tế với cách nhìn nhận đơn giản, tách bạch, cắt khúc quá trình kinh tế hay các chu kỳ sản xuất, kinh doanh của DN, thì quả thật là phần cổ tức được chia cho các cổ đông chính là một phần thu nhập của công ty và đã được xác định trong tổng thu nhập chịu thuế của công ty khi tính thuế và nộp thuế thu nhập DN. Tức là phần thu nhập này thực tế đã bị đánh thuế. Tuy nhiên, quá trình kinh tế của doanh nghiệp là sự liên tục của những chu kỳ sản xuất kinh doanh, và nếu quan niệm như theo kiểu cắt khúc nói trên thì còn có thể suy ra nhiều khoản thu nhập hay nguồn vốn khác cũng bị đánh thuế hai lần, thậm chí là rất nhiều lần. Như vậy nếu nhìn tổng thể, đánh thuế thu nhập cá nhân đối với cổ tức là hoàn toàn có cơ sở, tuy nhiên pháp luật cần xem xét việc áp dụng thuế suất để đảm bảo tính công bằng và khả thi.

Đầu tư chứng khoán đang định hình thành một nghề mới tại Việt Nam. Đó là một nghề nghiêm túc trong đầu tư trình độ, kinh nghiệm và thời gian. Đây cũng là nghề khắc nghiệt bởi tính rủi ro cao. Trên thực tế, nhiều người đã chuyển hẳn từ những công việc khác nhau, xác định đầu tư chứng khoán là

nghề chính thậm chí là thu nhập chính của cả gia đình. Vậy họ có được giảm trừ gia cảnh như thuế thu nhập cá nhân thông thường hay không. Họ có được giảm trừ những chi phí khó xác định và chứng minh như bồi dưỡng kiến thức, chi phí môi giới, chi phí thông tin, chi phí vay vốn? Đây cũng là những vấn đề cần xét đến để đảm bảo tính công bằng.

#### **2.2.3.4. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản**

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua bất động sản và các chi phí liên quan. Ngoài ra, theo quy định, người chuyển nhượng sẽ được lựa chọn một trong hai phương án nộp thuế, hoặc 25% trên lợi nhuận thu được, hoặc 2% trên giá trị bất động sản chuyển nhượng khi không xác định được giá mua và các chi phí liên quan.

Vấn đề đặt ra là , trước đây, nhà đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng thì chịu thuế chuyển quyền , lệ phí trước bạ , lệ phí công chứng khi giao dịch. Còn người mua bán bằng giấy tay , sang tay hợp đồng thì không phải chịu lệ phí nào cả ngoài phí xác nhận chuyển nhượng do chủ đầu tư thu (1-2% giá trị hợp đồng). Như vậy, đối với nhà đất hợp pháp (đã có giấy chủ quyền) thì có thể quản lý giá chuyển nhượng qua công chứng , nhưng nhà đất giao dịch bằng giấy tay , mua bán bằng hợp đồng thì việc thu thuế không dễ dàng và sẽ không đảm bảo được tính công bằng.

Theo cá nhân tôi , trong hai phương án đánh thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thì phương án đánh thuế 2% trên giá bán sẽ khả thi hơn phương án nộp 25% lợi nhuận, sau khi trừ các chi phí liên quan vì cách này đơn giản, đỡ mất thời gian, thuế suất không quá cao, nhất là khi giá chuyển nhượng trên hợp đồng thường được ghi sát với khung giá đất quy định.

Hay có trường hợp người mua không phải là khách hàng đầu tiên mà đã sang nhượng qua hai ba lần . Do vậy người mua cuối cùng không thể "gánh"

thuế cho khoản chênh lệch mà những người trước hưởng . Nhưng rắc rối có thể chưa dừng lại ở đó. Đối với hàng loạt dự án khác hoàn tất và giao nhà, căn hộ từ năm 2009 trở đi thì người mua cũng đang lo: nhiều khả năng người mua cuối cùng phải lãnh khoản thuế này , nếu không buộc được những người đầu tư trước đó phải cam kết cùng chia sẻ khoản thuế chênh lệch.

Cũng có nhiều rắc rối sẽ phát sinh trong quá trình thực hiện như : cha mẹ hoặc ông bà để lại mấy căn nhà , nay người sử dụng muốn bán bớt một căn thì có phải đóng thuế chuyển nhượng không ? Cơ sở nào để tính giá chênh lệch? Một trường hợp khác tương tự là nhà thuộc sở hữu nhà nước, sau đó cấp hoặc bán cho người có công . Khi bán nhà dạng này cho người mua sẽ bán theo giá ưu đãi , sau đó họ bán lại cho người mua sau này với giá thị trường . Vậy trường hợp này thu thuế chênh lệch ra sao?...

Theo khoản 5 Điều 3 Luật thuế TNCN thì thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản.

Tuy nhiên, hiện nay để lách thuế nhiều bên khi chuyển nhượng thay vì làm hợp đồng “sang tên, đổi chủ” sẽ làm một hợp đồng ủy quyền toàn bộ. Theo đó, bên nhận ủy quyền sẽ có toàn quyền đối với diện tích đất được nhắc đến trong hợp đồng bao gồm cả quyền chuyển nhượng, quyền thế chấp, làm thủ tục sang tên, ủy quyền lại cho bên thứ ba... Khi thực hiện hợp đồng này, vô hình chung các bên sẽ không phải chịu thuế TNCN trong khi đó “bên mua” vẫn có toàn quyền quyết định đối với mảnh đất đã mua.

#### ***2.2.3.5. Về các khoản thu nhập không chịu thuế***

Việc đưa thu nhập do làm thêm, phụ cấp ca 3 là thu nhập không chịu thuế sẽ gây khó khăn khi xác định thu nhập chịu thuế mà nên đưa vào thu

nhập để xem xét tính thuế. Bởi vì, nhiều doanh nghiệp rất khó khăn khi phải tách thời gian làm thêm, phụ cấp làm ca 3 trong bảng lương ra. Việc chứng minh cho làm thêm giờ và phụ cấp làm ca 3 cũng là một quá trình vô cùng phức tạp. Đồng thời doanh nghiệp cũng có thể lợi dụng quy định của luật để lách luật, trốn thuế. Chẳng hạn như: có những doanh nghiệp bố trí sản xuất cả 3 ca. Có những ca thì cán bộ, công nhân viên được bố trí làm ca đêm và thường xuyên như vậy và họ cũng chỉ làm 8 tiếng thôi. Cho nên, việc tách thời gian làm thêm, phụ cấp ca 3 không thuộc thu nhập chịu thuế sẽ là một kẽ hở của Luật.

Khoản 1 Điều 21, Luật thuế TNCN quy định:

*Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật này, trừ các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các khoản giảm trừ quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này.*

Theo các quy định nêu trên thì tiền lương hưu do các nguồn khác ngoài Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả không được miễn thuế TNCN, đồng thời các khoản đóng góp vào các quỹ ngoài các quỹ bảo hiểm bắt buộc nêu trên không được trừ vào thu nhập tính thuế. Thực tế hiện nay đang hình thành mô hình quỹ đầu tư mới và có xu hướng phát triển trong tương lai là quỹ hưu trí tự nguyện. Quỹ này góp phần phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán, hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội, giảm bớt gánh nặng chi tiêu ngân sách Nhà nước. Vì vậy cần xem xét khoản đóng góp trên vào các khoản thu nhập không chịu thuế.

#### **2.2.3.6. Các khoản thu nhập từ thừa kế, quà tặng còn khó kiểm soát**

Điều 19, Luật quy định thu nhập chịu thuế từ thừa kế và quà tặng. Đối với thừa kế, quà tặng, thu nhập chịu thuế là phần giá trị quà tặng vượt trên 10

triệu đồng theo từng lần phát sinh mà đối tượng nộp thuế được nhận. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để xác định giá trị quà tặng, thừa kế.

Về xác định giá trị của quà tặng, trường hợp quà tặng bằng hiện vật thì xác định giá trị của quà tặng trên cơ sở giá trị của quà tặng do cơ quan đơn vị, cá nhân tặng quà cung cấp (nếu có) hoặc giá trị quà tặng được bán trên thị trường trong nước hoặc quốc tế mà cơ quan quản lý người được tặng quà có thể so sánh và xác định giá trị. Trong trường hợp không xác định được giá trị của quà tặng bằng hiện vật thì có thể đề nghị cơ quan có chức năng thẩm định giá xác định. Tuy nhiên, cơ quan có chức năng thẩm định giá là cơ quan nào cũng phải được xác định khi xây dựng Nghị định và Thông tư hướng dẫn.

Trường hợp thứ hai, đối với thừa kế. Luật chưa phân định rõ các trường hợp sau đây: Nếu người được hưởng thừa kế bằng tiền, bằng sổ tiết kiệm, bằng cổ phiếu, bằng trái phiếu, bằng séc và các giấy tờ có giá thì không có gì phức tạp. Nhưng nếu người được hưởng thừa kế bằng hiện vật, có thể là bất động sản, nhà cửa, nhà đất mà do hoàn cảnh khó khăn về chỗ ở họ không bán đi và để ở hoặc họ giữ lại làm kỷ vật của gia đình, cũng không có nhu cầu chuyển nhượng, và do hoàn cảnh khó khăn không có tiền để nộp thuế thì xử lý như thế nào. Theo cá nhân tôi nhận thấy đây là một số vấn đề cần phải xem xét tính khả thi.

Thuế thu nhập cá nhân chính thức có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2009, bằng cách xây dựng pháp luật dựa trên cơ sở những nguyên tắc nhất định, sự học hỏi có chọn lọc quy định của các quốc gia tiên tiến trên thế giới, sau năm năm đi vào thực tiễn Luật thuế đã đạt được nhiều thành công khi tạo nên một hành lang pháp lý thuận lợi cho người nộp thuế đồng thời mang lại nguồn thu tương đối lớn cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trước những thay đổi mang tính khách quan của nền kinh tế, Luật thuế thu nhập cá nhân

nói chung và các quy định về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân nói riêng đang càng ngày càng bộc lộ những hạn chế, bất cập đòi hỏi các nhà làm luật phải có sự phân tích chính xác, nhận định nhạy bén để tìm ra hướng sửa đổi và hoàn thiện. Mong muốn tìm ra hướng đi mới cho những quy định về căn cứ tính thuế, tại chương 3, người viết muốn đóng góp một số giải pháp nhằm kiện toàn hơn các quy định pháp luật hiện hành.



### Chương 3

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

### 3.1. GIẢI PHÁP VỀ XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

#### \* Thu nhập từ quà tặng, thừa kế

Hầu hết các nguồn thu nhập đã được Luật thuế Thu nhập cá nhân điều chỉnh, tuy nhiên còn một số nguồn thu nhập vẫn bị “bỏ ngỏ”. Thu nhập quà biếu bằng tiền, hiện vật của các doanh nghiệp, tổ chức chi cho cá nhân ngoài đơn vị là một ví dụ. Luật Thuế thu nhập cá nhân hiện hành quy định tiền lương, tiền công, hoa hồng môi giới, tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học... của người lao động thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân, nhưng quà biếu bằng tiền, hiện vật cho cá nhân ngoài doanh nghiệp, tổ chức... lại không chịu thuế là chưa đảm bảo công bằng, bình đẳng về thu nhập, chưa quản lý nguồn thu nhập có khả năng không minh bạch.

Thuế thu nhập cá nhân ngày càng có vị thế quan trọng trong tổng thu ngân sách Nhà nước và tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng nhanh: năm 2009 là 14.329 tỷ đồng, năm 2010 là 26.288 tỷ đồng, 2011 là 37.100 tỷ đồng và dự toán năm 2012 là 46.333 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng các khoản thu về nhà, đất dự toán năm 2012 chỉ là 42.422 tỷ đồng [28]. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều khoản thu nhập có tính chất tương tự như các khoản thu nhập chịu thuế quy định trong luật như: thu thuế đối với thu nhập từ uỷ quyền bán nhà, đất mà người uỷ quyền có quyền định đoạt tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng thẻ hội viên sân golf do chưa được quy định trong luật... nên chưa điều tiết được đối với các khoản thu nhập này. Thiết nghĩ, các nhà làm luật nên nghiên cứu để đưa các loại thu nhập nêu trên vào khoản mục thu nhập chịu thuế.

### **\* Thu nhập từ các quỹ đầu tư**

Năm 2012, hàng loạt văn bản mới đã và sẽ được ban hành, qua đó mở đường cho sự ra đời của các sản phẩm đầu tư mới, trong đó có quỹ mở, quỹ đầu tư chỉ số (ETF) và quỹ hưu trí. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về thuế điều chỉnh các hoạt động liên quan đến các loại hình quỹ mới này. Cụ thể đối với quỹ mở và quỹ ETF, hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư với các công ty quản lý quỹ có bị đánh thuế không, mức thuế là bao nhiêu? Theo thông lệ quốc tế, trong thời gian đầu, để khuyến khích các loại hình quỹ phát triển, nên miễn, giảm thuế đối với nhà đầu tư vào quỹ.

Hiện tại, không có quy định cụ thể đối với thuế áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài chuyển nhượng phần vốn góp tại các quỹ thành viên trong nước. Thông tư số 160/2012/TT-BTC hướng dẫn mức thuế áp dụng đối với chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá trị bán. Tuy nhiên, hiện có hai loại hình quỹ đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư thành viên và quỹ đại chúng, quỹ mở. Đối với các quỹ đầu tư đại chúng, quỹ mở, thì người đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ (được xem là một loại chứng khoán), còn đối với các quỹ đầu tư thành viên, thì nhà đầu tư lại sở hữu phần vốn góp. Vì vậy, nên bổ sung quy định áp dụng mức thuế khoán 0,1% trên giá trị bán phần vốn góp vào quỹ thành viên.

### **\* Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản**

Theo quy định tại Khoản 2, mục II, phần A, Thông tư 84/2008/TT-BTC có quy định việc miễn thuế đối với chuyển nhượng nhà đất, trong trường hợp đối tượng chuyển nhượng có một nhà đất duy nhất. Thực tế xác định được điều này là rất khó khăn. Chẳng hạn một số trường hợp như:

- *Tự khai là tài sản duy nhất.* Tại khoản 2, Điều 4, Luật thuế thu nhập cá nhân quy định: “*Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ*

*có một nhà ở, đất ở duy nhất thì được miễn thuế*”, đồng thời người chuyển nhượng bất động sản tự khai và chịu trách nhiệm về tính trung thực về kê khai của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hệ thống thông tin quản lý cá nhân của cơ quan Nhà nước, trong đó có ngành thuế còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; công tác kiểm tra, đối chiếu cần rất nhiều thời gian thì ít nhất trong vài năm đầu, cơ quan chức năng không thể kiểm soát được từng cá nhân có bao nhiêu nhà ở, đất ở. Đây chính là kẽ hở để không ít người có nhiều nhà ở, đất ở khi chuyển nhượng sẵn sàng kê khai là tài sản duy nhất để không phải nộp thuế. Để khắc phục được điều này, cơ quan thuế cần kiến nghị thực hiện các thủ tục để cấp mã số thuế cho các cá nhân khi tiến hành chuyển nhượng bất động sản, đồng thời cấp mã số thuế cho cá nhân khi nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Bằng hoạt động này, khi một cá nhân tiến hành chuyển nhượng bất động sản, cơ quan thuế hoàn toàn có thể tra cứu theo mã số thuế để biết rằng cá nhân này có quyền sở hữu bao nhiêu mảnh đất và tính thuế một cách chính xác nhất thay vì việc chỉ căn cứ vào tính tự giác trong tờ khai của người nộp thuế như hiện nay.

- *Hạ giá chuyển nhượng*. Điều 14, Luật thuế TNCN quy định cụ thể về cách xác định giá chuyển nhượng bất động sản theo đó: “*Giá chuyển nhượng bất động sản là giá theo hợp đồng tại thời điểm chuyển nhượng*”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hầu hết các cá nhân khi tiến hành giao dịch về bất động sản đều thống nhất ghi giá chuyển nhượng trong hợp đồng thấp hơn nhiều lần so với thực tế mua bán. Để hạn chế tình trạng thất thu ngân sách Nhà nước, khoản 3, Điều 14, Luật thuế TNCN cũng quy định: “*Trường hợp không xác định được giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi trên hợp đồng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định có hiệu lực tại thời điểm chuyển nhượng*”. Thực tế cho thấy khung giá đất của cơ quan Nhà nước quy định trong thời điểm hiện nay thường thấp hơn 10-20 lần giá đất giao

dịch trên thị trường, đó là không kể trong những thời điểm đất “sốt” thì khoảng cách này có thể được đẩy xa 30-40 lần. Như vậy, vô hình chung dù pháp luật cho phép người nộp thuế tự thỏa thuận giá hay cơ quan Nhà nước áp giá theo khung giá quy định đều tạo ra một kẽ hở để người nộp thuế hưởng lợi. Để hạn chế tình trạng trên, thiết nghĩ công việc đầu tiên phải làm là cơ quan Nhà nước cần thành lập một đội ngũ thẩm định giá chuyên nghiệp để đưa ra quy định về khung giá đất sao cho sát với thực tế giá chuyển nhượng bất động sản trên thị trường, một khung giá vừa đem lại nguồn thu cho Nhà nước đồng thời không gây trở ngại cho việc thực hiện nghĩa vụ của người dân.

- *Chuyển nhượng bất cầu.* Theo Khoản 1 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định: “*thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng, cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau*” thì được miễn thuế TNCN. Lợi dụng quy định này, nhiều trường hợp đã sử dụng mối quan hệ bất cầu để trốn thuế. Ví dụ, trường hợp em chồng chuyển nhượng bất động sản cho chị dâu. Nếu chuyển nhượng theo cách thông thường theo quy định hiện hành người em chồng sẽ phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, để lách thuế, người chị dâu thực hiện một hợp đồng “trung gian” chuyển nhượng hoặc tặng cho bất động sản trên cho cha mẹ chồng, sau đó cha mẹ chồng sẽ tặng lại cho con đẻ của mình. Nếu áp dụng theo quy định hiện hành trường hợp trên sẽ không bị mất thuế thu nhập cá nhân, có chăng họ chỉ mất thêm một khoản chi phí cho hợp đồng công chứng “trung gian”. Trong thực tế, một thời gian dài hiện tượng này đã diễn ra rất phổ biến tuy nhiên lại không có hướng khắc phục. Thiết nghĩ, để giải quyết tình trạng trên chúng ta có thể bám vào pháp luật hiện hành quy định về việc chuyển nhượng đối với tài sản phải đăng ký. Theo quy định tại Điều 167, Bộ luật dân sự 2005 về

đăng ký quyền sở hữu tài sản nêu rõ: “*Quyền sở hữu đối với bất động sản được đăng ký theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đăng ký bất động sản*”. Điều 168, Bộ luật dân sự 2005 về thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với tài sản cũng quy định cụ thể: “*Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Như vậy, nếu muốn thực hiện “sang tên” với một chủ thể khác đòi hỏi bên chuyển nhượng phải là bên có quyền sở hữu đối với bất động sản, nói cách khác bất động sản là đối tượng chuyển nhượng phải được mang tên của bên chuyển nhượng. Căn cứ vào quy định trên, nếu người chị dâu muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cha mẹ chồng phải thực hiện việc đăng ký sang tên (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) mang tên bố mẹ chồng, sau đó bố mẹ chồng mới có thể thực hiện sang tên cho con đẻ. Nếu thực hiện theo quy định này, sẽ tránh được đáng kể tình trạng chuyển nhượng bắc cầu như hiện nay. Vì thực tế cho thấy, nếu so sánh giữa việc lách một khoản tiền thuế thu nhập cá nhân với việc thực hiện đăng ký sang tên cho “chuyển nhượng bắc cầu” thủ tục vốn đã rất phức tạp thì người nộp thuế sẽ chọn cách đóng thuế cho Nhà nước.

### **3.2. GIẢI PHÁP XÁC ĐỊNH THU NHẬP MIỄN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

#### **\* Thu nhập từ tiền thưởng phát minh, sáng kiến**

Theo quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 3, Luật thuế Thu nhập cá nhân thì tiền thưởng thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân: “*Tiền thưởng, trừ các khoản tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng, tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế, tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận, tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*”. Như vậy, ngoại trừ

các khoản tiền thưởng do Nhà nước ban tặng hoặc có sự công nhận của cơ quan Nhà nước, nếu các cá nhân có thu nhập từ tiền thưởng khác đều phải đóng thuế. Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp hiện nay luôn có chính sách khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất. Vì vậy các khoản tiền thưởng cho người lao động trong doanh nghiệp như: thưởng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất ở trong các doanh nghiệp (mà thường là giám đốc các doanh nghiệp thưởng cho người lao động, để khuyến khích người lao động cải tiến, hợp lý hóa sản xuất) thiết nghĩ cũng nên đưa vào diện được miễn thuế. Bởi lẽ, trên thực tế những đối tượng như vậy trong doanh nghiệp là không nhiều, đặc biệt khi các sáng kiến đó sẽ đóng góp tích cực cho doanh nghiệp nói riêng và đất nước nói chung.

**\* Tiền đóng góp xây dựng, quỹ phúc lợi.**

Khoản 13, Điều 4, Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành quy định: *“Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận”* được miễn thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở hạ tầng xã hội, nhất là ở nông thôn rất thiếu thốn. Hàng năm Nhà nước đã dành nhiều ngân sách để đầu tư và huy động sự đóng góp rất lớn của nhân dân, nhưng vẫn chưa đáp ứng được. Trong sự đóng góp đó của nhân dân có nhiều tổ chức, cá nhân tự nguyện bỏ tiền túi của họ, có người góp đến hàng trăm triệu hoặc hơn nữa để xây dựng cầu đường, trường học và các công trình khác. Đóng góp đó đã góp phần tích cực trong việc cải thiện đời sống của nhân dân nhất là nông thôn. Tuy nhiên, nếu theo quy định hiện hành số tiền trên sẽ không thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân. Thiết nghĩ, để động viên doanh nhân hăng hái tiếp tục đóng góp xây dựng đất nước, tôi đề nghị bổ sung vào điều luật các khoản đóng góp cho công ích được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế.

### 3.3. GIẢI PHÁP VỀ MỨC KHỞI ĐIỂM CHỊU THUẾ VÀ THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

#### \* **Mức khởi điểm chịu thuế**

Trên thế giới hiện nay có hai phương thức tính thuế: hoặc là đánh thuế ngay từ đồng thu nhập đầu tiên hoặc đánh thuế từ mức khởi điểm chịu thuế (sau khi đã trừ đi phần thu nhập đảm bảo mức sống cơ bản cho cá nhân nộp thuế). Luật thuế TNCN hiện nay quy định mức khởi điểm tính thuế hay mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 48 triệu đồng/năm (hay 4 triệu đồng/tháng).

Thực tế từ năm 2009 đến nay, do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn, giá cả hàng hoá, dịch vụ tăng cao làm ảnh hưởng đến đời sống người nộp thuế. Để thực hiện việc giảm tỷ lệ động viên thuế, phí trên GDP theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020, đảm bảo tính ổn định của chính sách cho giai đoạn sau năm 2014, đồng thời để có sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước đối với người nộp thuế trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thì việc nghiên cứu điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh là cần thiết.

Từ thực tế cho thấy, Luật hiện hành cần điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế từ mức 4 triệu đồng/tháng lên 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); Đồng thời với việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh, dự thảo Luật bổ sung quy định “mở” để khi giá cả thị trường biến động trên 20% thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho phù hợp với sự biến động của giá cả. Việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh và bổ sung quy định “mở” như nêu trên có ưu điểm là:

- Bảo đảm phù hợp với biến động về chỉ số giá (CPI) và tốc độ tăng GDP đến năm 2014 và những năm tiếp theo;
- Mức giảm trừ 9 triệu đồng/tháng tương đương 2,5 lần mức GDP bình

quân đầu người năm 2014, bảo đảm tỷ lệ tương quan như khi Luật có hiệu lực thi hành năm 2009. Mức này cũng đảm bảo cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người vào thời điểm năm 2014 và các năm sau theo tính toán ở trên.

**\* Biểu thuế suất lũy tiến từng phần**

Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định như Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành là chưa hợp lý. Biểu thuế lũy tiến từng phần được kết cấu có nhiều bậc, mỗi bậc có quy định một mức thuế suất nhất định, số thuế phải nộp theo biểu thuế được tính từng phần tùy vào mức thu nhập của cá nhân. Thu nhập tính thuế theo biểu và thuế suất được thiết kế theo mức độ tăng dần, do đó số thuế phải nộp cũng lũy tiến tăng theo. Như vậy thu nhập thuộc diện chịu thuế ở bậc nào chỉ nộp thuế một phần theo thuế suất quy định ở bậc đó. Tuy nhiên, biểu thuế lũy tiến hiện nay đang áp dụng có khoảng cách giữa các bậc thuế quá dày dẫn đến mức điều tiết thuế tăng nhanh ở các bậc thuế sau nên không khuyến khích người có trình độ kỹ thuật cao, năng lực điều hành giỏi. Nếu Bộ Tài chính giữ biểu thuế lũy tiến theo hướng dày đặc như hiện nay, những người có tay nghề cao, lao động giỏi nước ngoài sẽ cân nhắc khi đến làm việc tại Việt Nam. Thực tế cho thấy nếu chỉ tăng mức khởi điểm chịu thuế mà không kéo giãn các bậc trong biểu thuế lũy tiến từng phần thì chỉ tác động đến những người có thu nhập thấp và đây không phải là lực lượng đóng góp nhiều cho số thu từ thuế thu nhập cá nhân.

**Biểu 3.1:** So sánh mức độ giãn cách giữa các bậc thuế cho thấy mức giãn cách của Việt Nam là thấp

Nước	Đơn vị tiền tệ	Số bậc	TNTT bậc thấp nhất	TNTT bậc cao nhất	Số lần
Việt nam	Đồng	7	60.000.000	960.000.000	16
Thái lan	Bath	5	150.000	4.000.000	27
Malaysia	Rm	8	2.500	100.000	40
Trung quốc	NDT	7	1.500	80.000	53
Philipin	Peso	7	10.000	500.000	50



Theo quy định như hiện nay, thuế suất và cách tính thuế áp dụng với thu nhập từ bản quyền cũng chưa hợp lý. Đối tượng bản quyền bao gồm: ghi hình, ghi âm chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá; đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý; đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng và vật liệu nhân giống... quá trình để tạo nên những sản phẩm “*đặc biệt*” này đòi hỏi một thời gian khá dài, có thể là cả đời người vì vậy nếu áp theo quy định hiện hành mức thu nhập loại trừ không tính thuế chỉ là 10.000.000 đồng để là chưa thỏa đáng.

### **3.4. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CỔ TỨC**

#### **\* Đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán**

Thuế đối với đầu tư chứng khoán đã được thực hiện từ rất lâu ở nhiều quốc gia trên thế giới nhưng lại khá mới mẻ ở Việt Nam. Thuế với đầu tư chứng khoán là một chính sách hoàn toàn đúng đắn, nhưng thực hiện như thế nào để thuế không chỉ là nguồn thu cho NSNN mà còn là công cụ để điều tiết giúp thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ. Theo tôi, chúng ta cần nắm rõ một số vấn đề cơ bản sau:

- *Việc hoạch định chính sách thuế đầu tư chứng khoán phải đảm bảo nguyên tắc:*

+ Đảm bảo tính công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế, không để 1 trường hợp nào trốn thuế hay gian lận về thuế

+ Phương pháp tính thuế, phương pháp tổ chức thu thuế phải đơn giản, dễ thực hiện và hết sức thuận tiện cho nhà đầu tư và với chi phí thu thuế nhỏ nhất.

- *Mức đóng thuế cần hợp lý và cần đạt tới các mục tiêu:*

+ Ngày càng khuyến khích đông đảo người dân tham gia đầu tư chứng

khoán. Cần phải đặt mục tiêu trong 10 năm nữa có khoảng 5 triệu người đầu tư chứng khoán và với xuất phát điểm hiện nay mới có khoảng 200.000 cá nhân tham gia đầu tư chứng khoán;

+ Phải đảm bảo TTCK Việt Nam phát triển liên tục, bền vững, hệ thống doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng huy động được vốn cổ phần từ công chúng đầu tư. Khi hệ thống doanh nghiệp dễ dàng thu hút được vốn trong công chúng thì tiền thuế thu được từ khu vực doanh nghiệp sẽ tăng lên rất nhiều. Nếu áp đặt thuế cao đối với nhà đầu tư cá nhân thì TTCK sẽ rất khó phát triển, hệ thống doanh nghiệp khó thu hút vốn từ công chúng và các khoản thuế từ khu vực doanh nghiệp sẽ không tăng nhanh, đồng thời nếu đưa ra chính sách thuế không hợp lý có thể sẽ làm cho đông đảo nhà đầu tư cá nhân thua lỗ.

- *Về phương pháp tính thuế:*

+ Đối với chứng khoán niêm yết tại thị trường tập trung thì dùng phương pháp thuế khoán đánh trên từng giao dịch: Căn cứ vào giá bán chứng khoán và với thuế suất 0,1% như Luật quy định. Công ty chứng khoán có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế sau mỗi giao dịch bán đối với nhà đầu tư cá nhân trong nước.

+ Đối với thị trường giao dịch phi tập trung: Khả năng có thể thu được thuế đối với những công ty đại chúng có chứng khoán niêm yết tại Trung tâm lưu ký. Việc thu thuế phải gắn với qui trình chuyển nhượng đơn giản (có thể thông qua công ty chứng khoán). Tuy nhiên không thể xác định được cơ sở pháp lý trong việc xác định giá mua, giá bán. Vì vậy giá tính thuế có thể căn cứ vào mệnh giá cổ phần và với tỷ lệ thuế suất cao hơn (0,2 % chẳng hạn).

+ Theo thống kê hiện nay thì lượng cổ phiếu giao dịch từ các công ty niêm yết và công ty đại chúng chiếm trên 90% tổng giá trị giao dịch của toàn thị trường chứng khoán. Vì vậy chúng ta không đặt vấn đề thu thuế chuyển nhượng chứng khoán từ những đối tượng doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng.

- Về phương pháp thu thuế:

Luật thuế thu nhập cá nhân quy định: Đánh thuế chuyển nhượng chứng khoán dựa trên cơ sở lấy giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí. Sau mỗi năm hoạt động tài chính thì thu nhập kinh doanh chứng khoán sẽ được tính bằng tổng giá trị các loại chứng khoán đã bán trừ đi tổng giá trị các loại chứng khoán đã mua (chỉ tính số lượng chứng khoán đã mua tương ứng với số lượng chứng khoán đã bán) và trừ tiếp các loại chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua bán chứng khoán sau đó nhân với thuế suất 20%.

Nếu áp dụng công thức trên thì không thể xác định được gần như tất cả các khoản chi phí cho đầu tư chứng khoán (chỉ trừ phí môi giới chứng khoán trên sàn giao dịch tập trung là xác định được thông qua công ty chứng khoán).

Áp dụng phương pháp này thì khu vực thị trường OTC sẽ không có cơ sở pháp lý để xác định được giá mua, giá bán của từng giao dịch chứng khoán. Nhìn rộng ra thì có hàng triệu giao dịch OTC mà cơ quan thuế không có cơ sở để xác định được giá mua giá bán chứng khoán. Ngay cả việc nhà đầu tư kê khai trung thực các hợp đồng mua bán chứng khoán thì cũng không thể thuyết phục được cơ quan thuế. Vấn đề ở đây là không thể tạo lập được những chứng từ pháp lý. Nếu giao dịch trên thị trường tập trung, giá mua giá bán hàng ngày được lưu giữ bởi các Trung tâm Giao dịch chứng khoán và công ty chứng khoán, còn khi chứng khoán không được giao dịch tập trung thì ngay cả trường hợp nhà đầu tư phải thực hiện hợp đồng thông qua công ty chứng khoán hay Trung tâm Lưu ký chứng khoán thì cũng không thể xác định được giá mua giá bán chứng khoán trong từng giao dịch.

Nếu phương thức này được áp dụng trên thị trường OTC thì sẽ dẫn tới tình trạng phá vỡ sự công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế, từ đó dẫn tới hiện tượng trốn thuế là phổ biến và làm cho môi trường đầu tư chứng khoán bị bóp méo.

Nếu phương pháp này áp dụng trên thị trường giao dịch tập trung thì việc xác định thu nhập đầu tư chứng khoán chủ yếu căn cứ vào giá mua và giá bán, còn chi phí mua bán chứng khoán thì gần như bỏ qua. Nếu vậy thì không thể xác định được thu nhập ròng từ đầu tư chứng khoán (đã tính hết toàn bộ chi phí đầu tư). Rất nhiều trường hợp lỗ cũng phải đóng thuế, xin liệt kê một số trường hợp sau đây:

*Ví dụ 1:* Giả sử trong năm 2007, nhà đầu tư A mua 5 cổ phiếu trên sàn tập trung, 2 loại cổ phiếu trên sàn tập trung đã được bán và có thặng dư (chênh lệch giá bán giá mua là 100 triệu đồng), 3 loại cổ phiếu còn lại chưa bán nhưng ở tình trạng thua lỗ (chênh lệch giá bán theo giá thị trường tại thời điểm cuối năm với giá mua là 300 triệu đồng). Tuy nhiên nhà đầu tư cá nhân không thể khấu trừ dự phòng giảm giá và với tình huống này nhà đầu tư đã lỗ 200 triệu đồng (chưa tính chi phí đầu tư), đồng thời phải nộp 25 triệu tiền thuế. Tình huống này đối với nhà đầu tư tổ chức thì không phải đóng thuế.

*Ví dụ 2:* Trong năm tài chính nhà đầu tư D mua 1 loại cổ phiếu tại thị trường OTC với giá 120.000 đ/cp, sau đó cổ phiếu mua được niêm yết với giá chào sàn là 80.000 đ/cp, sau đó nhà đầu tư D phải bán cổ phiếu này đi để tái cơ cấu danh mục đầu tư hoặc vì lý do cần tiền với giá bán là 100.000 đ/cổ phiếu. Tại tình huống này thu nhập chịu thuế được xác định ra sao? Nếu căn cứ vào sự kê khai trung thực của nhà đầu tư thì không có cơ sở pháp lý, còn nếu căn cứ vào giá chào sàn thì nhà đầu tư sẽ bị lỗ? Vậy lấy căn cứ gì để xác định thu nhập chịu thuế?

*Ví dụ 3:* Trong năm tài chính nhà đầu tư E mua cổ phiếu AAA trong nhiều phiên với số lượng 20.000 cổ phần nhưng chỉ mới bán 5000 cổ phần và có lãi so với giá mua bình quân là 20 triệu đồng. 15.000 cổ phần còn lại thì chưa bán vì nhà đầu tư còn hy vọng giá sẽ lên. Tuy nhiên trên thực tế tại thời điểm cuối năm, cổ phiếu AAA sụt giá lớn do nhiều nguyên nhân. Nếu căn cứ

vào giá thị trường tại thời điểm cuối năm thì việc mua 20.000 cổ phần AAA đã làm nhà đầu tư thua lỗ 100 triệu đồng, trong tình huống này nhà đầu tư E vẫn phải đóng thuế 5 triệu đồng.

Trên đây mới chỉ lấy 1 số tình huống rất phổ cập của TTCK, còn chưa tính tới kỹ thuật tính thuế sẽ vô cùng phức tạp với những tình huống như giá mua cổ phiếu sẽ phải xác định lại khi doanh nghiệp trả cổ tức bằng cổ phiếu, hay với tình huống trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.....

Luật Thuế thu nhập cá nhân cũng cho phép cá nhân được lựa chọn phương pháp tính thuế bằng cách: khấu trừ 0,1% cho mỗi lần giao dịch mua, bán chứng khoán và cuối năm không phải thực hiện quyết toán.

Theo tôi, nên chăng chúng ta sẽ thực hiện kết hợp phương pháp thuế khoán theo giá mua bán thực tế tại thị trường giao dịch tập trung và theo mệnh giá cổ phần tại thị trường OTC:

Theo phương thức này đối với cổ phiếu niêm yết thì căn cứ vào giá mua và bán chứng khoán của từng giao dịch nhân với thuế suất 0,1% như Luật quy định. Nếu theo phương thức này thì vô cùng đơn giản. Công ty chứng khoán với trách nhiệm tổ chức quản lý thuế sẽ thực hiện khấu trừ theo từng giao dịch. Cơ quan thuế rất dễ dàng kiểm soát, quyết toán thuế từ công ty chứng khoán.

- Đối với giao dịch cổ phiếu của những công ty công chúng chưa niêm yết. Căn cứ vào qui trình giao dịch mà Bộ Tài chính đang hoạch định, có thể giao trách nhiệm thu thuế qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cũng theo phân tích ở trên, do không thể tạo cơ sở pháp lý để xác định giá mua, giá bán chứng khoán nên việc tính thuế căn cứ vào mệnh giá cổ phần - Đây là phương thức được áp dụng phổ biến của những nước đang phát triển.

Phương thức này có ưu điểm lớn là đơn giản, dễ thực hiện với tất cả các

nhà đầu tư, tạo được sự công bằng tuyệt đối trong nghĩa vụ nộp thuế. Việc tổ chức quản lý thuế hết sức đơn giản và với chi phí quản lý thấp nhất.

Tuy nhiên phương thức này vẫn có hạn chế là với những giao dịch lỗ thì vẫn phải chịu thuế.

Tuy nhiên với thị trường chứng khoán còn sơ khai ở Việt Nam thì rõ ràng phương pháp tính thuế khoán trên cơ sở giá bán chứng khoán và mệnh giá chứng khoán là phương pháp khả thi nhất. Bởi lẽ phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện, quản lý và bước đầu tạo thói quen cho nhà đầu tư có ý thức nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

#### **\* Đối với thu nhập từ cổ tức**

Có thể khẳng định rằng vẫn tồn tại song song hai luồng ý kiến về vấn đề thuế thu nhập cổ tức. Một phía ủng hộ việc đánh thuế đối với thu nhập từ cổ tức của các nhà đầu tư với quan điểm là thuế thu nhập cổ tức sẽ tăng cường tính công bằng giữa các nhà đầu tư trên TTCK. Ngược lại, luồng ý kiến phản đối việc đánh thuế này lại cho rằng việc áp dụng thuế là không công bằng và đánh thuế hai lần đối với khoản thu nhập của các nhà đầu tư. Tuy nhiên có một thực tế là mặc dù luồng ý kiến thứ hai được nhiều các nhà đầu tư ủng hộ nhưng hầu hết các nước trên thế giới vẫn áp dụng việc đánh thuế đối với cổ tức của các nhà đầu tư.

Có thể thấy một tồn tại là sự không rõ ràng giữa hai quan điểm đánh thuế trùng hoặc không trùng khi áp dụng thuế thu nhập cổ tức. Tại Việt Nam, xác định nguyên tắc của việc đánh thuế được xem như là một khoản phí cho việc sử dụng các nguồn lực xã hội để tạo ra lợi nhuận. Như vậy, khi một công ty hoạt động sản xuất kinh doanh, họ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp cho việc sử dụng các nguồn lực nói trên. Việc các công ty trong quá trình hoạt động phải trả thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu... chỉ là thuế gián thu và không phải là các công ty trả mà họ chỉ trả hộ

cho người tiêu dùng. Như vậy, thuế TNDN là trả cho việc sử dụng nguồn lực xã hội của chủ thể công ty. Đến lượt các cổ đông, tất cả trong số họ đều chỉ đầu tư vốn vào để nhận được lợi nhuận là cổ tức. Rõ ràng, nếu theo quan điểm về nguyên tắc đánh thuế, họ cũng phải trả phí cho việc sử dụng các nguồn lực xã hội trong việc đầu tư vốn. Ít nhất, các nhà đầu tư cũng hoạt động trong một thị trường được tổ chức và quản lý bởi Nhà nước. Hai chủ thể công ty và cổ đông cùng hai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vốn rõ ràng là phân biệt, mặc dù cùng phải nằm trong một quy trình chung. Như vậy, khó có thể nói việc đánh thuế trên thu nhập cổ tức là “đánh thuế trùng” hay đánh thuế hai lần. Do đó, trước hết có thể khẳng định việc áp dụng thuế thu nhập cổ tức là có cơ sở. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán có cơ hội đi lên, tạm thời nếu đánh thuế cổ tức thì có thể giảm thuế thu nhập doanh nghiệp xuống, nhất là trong giai đoạn TTCK đang cần những yếu tố tích cực để khuyến khích phát triển và trở thành một trong những kênh dẫn vốn quan trọng, minh bạch cho nền kinh tế. Khi TTCK phát triển đến một quy mô lớn hơn thì có thể xem xét tăng thuế để tăng nguồn thu cho ngân sách.

Theo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Mỹ, Canada chúng ta có thể nghiên cứu phân định ra hai loại đối tượng nhà đầu tư khác nhau là cổ đông lớn và nhà đầu tư nhỏ lẻ; trong đó cổ đông lớn là nhà đầu tư nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của doanh nghiệp và nhà đầu tư nhỏ lẻ là dưới 5% [12]. Khi đó, thuế suất đánh trên thu nhập từ cổ tức có thể áp khác nhau giữa hai loại nhà đầu tư này theo hướng nhà đầu tư lớn được ưu đãi thuế hơn. Tác dụng của việc này là khuyến khích đầu tư, huy động vốn cho doanh nghiệp và hạn chế hoạt động “lướt sóng”; đồng thời cũng khắc phục tâm lý cảm thấy thiệt hại vì bị đánh thuế trùng của các cổ đông lớn. Tất nhiên, sự phân biệt hai loại cổ đông này có thể xung đột với nguyên tắc quản trị công ty tốt, song các mức thuế suất khác nhau như trên có thể được

áp dụng trong những giai đoạn thích hợp nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển thị trường chứng khoán nói chung.

Tại khoản 7, Điều 4, Luật thuế TNCN quy định: “*Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*” thuộc đối tượng được miễn thuế. Theo quy định hiện hành thì giữa nhà đầu tư trái phiếu, nhà đầu tư cổ phiếu, người gửi tiền rõ ràng có mục đích và động cơ tương tự nhau là giảm thiểu rủi ro và tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, nếu chỉ đánh thuế trên thu nhập từ cổ tức và lãi vốn (capital gains) thì sẽ là không công bằng giữa các nhà đầu tư cùng hoạt động trên thị trường vốn – tiền tệ. Nếu đã áp dụng thì cần phải áp dụng cho tất cả các đối tượng trên và ngược lại. Định hướng mục tiêu cho từng mảng thị trường có thể được thực hiện thông qua các chính sách ưu đãi khác miễn, giảm thuế, tín dụng thuế. Trong điều kiện thu nhập từ lãi tiền gửi (hay ngoại tệ trên thị trường không chính thức) của các cá nhân không bị đánh thuế thì mức thuế suất đánh vào cổ tức càng cao sẽ càng làm mất dần động cơ tham gia vào TTCK của các nhà đầu tư. Dòng tiền vào TTCK sẽ bị hạn chế và bị các kênh đầu tư khác thu hút. Tuy nhiên, nếu tất cả các hình thức đầu tư vốn đều phải chịu thuế thu nhập thì có thể sử dụng vai trò của thuế như một công cụ hỗ trợ cho một mảng thị trường riêng biệt nào đó, ví dụ như định hướng mục tiêu thị trường vốn thông qua miễn, giảm thuế thu nhập cổ tức và chuyển nhượng chứng khoán tại từng thời điểm.

### **3.5. GIẢI PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHI TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

Xét tình hình thực tế hiện nay, những người được coi là phụ thuộc trong gia đình (cha mẹ, ông bà, con) đều cần có mức hưởng thụ cao, ngang bằng với người chịu thuế thu nhập cá nhân: Trẻ em thì có các khoản tiền học chính quy, tiền học thêm, tiền ăn, tiền sinh hoạt, vui chơi... Người già thường bệnh tật thì có tiền thuốc, khám sức khỏe, bồi dưỡng... Nếu chỉ tính 1,6 triệu



đồng/ người/ tháng thì không thể đủ trang trải những khoản chi phí kể trên. Hơn nữa, người nộp thuế được tính giảm trừ 4 triệu đồng, tại sao người phụ thuộc lại chỉ được hưởng mức chi tiêu 1,6 triệu đồng/ tháng? Trong một gia đình, con cái luôn là đối tượng ưu tiên trên hết, mức chi tiêu cho con cái bao giờ cũng lớn hơn bố mẹ. Hiện nay, chúng ta đang có kiến nghị tăng mức khởi điểm chịu thuế lên, nghĩa là tăng giảm mức trừ bản thân cho người nộp thuế thì cũng cần xét đến việc tăng mức giảm trừ cho người phụ thuộc. Theo tính toán của các chuyên gia thì mức giảm trừ cho người phụ thuộc cần được tăng khoảng 3,6 triệu đồng/người là mức hợp lý có thể đáp ứng phần nào nhu cầu thực tế của người dân trong bối cảnh hiện tại.

Bên cạnh đó, đối với người phụ thuộc là con, cha mẹ, vợ hoặc chồng và là những người bị nhiễm chất độc màu da cam, điôxin hoặc thiếu năng trí tuệ, bị bệnh hiểm nghèo thì mức giảm trừ, đề nghị tăng gấp hai lần. Đó cũng là sự chia sẻ cảm thông của Nhà nước với sự bất hạnh của những gia đình này.

Luật quy định không hạn chế số người phụ thuộc là đúng đắn. Nhưng cách xác định như thế nào cần quy định cho chặt chẽ, tránh việc gian lận. Đặc biệt phải có quy định phạt thật nặng người gian lận trốn thuế để răn đe. Để khuyến khích thực hiện kế hoạch hóa dân số và gia đình, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên sinh từ một đến hai con, nên theo chúng tôi, đối với con thứ ba trở lên nếu được tính là đối tượng giảm trừ thì mức giảm trừ phải thấp hơn của 2 con trước đó. Bởi vì nếu chúng ta quy định như hiện nay sẽ gây mất công bằng giữa những người nộp thuế. Những người chấp hành chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình tốt, thực hiện sinh từ 01 đến 02 con thì có thể phải nộp thuế nhiều hơn đối với những người không chấp hành chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình của Nhà nước khi những đối tượng này có cùng mức thu nhập.

Về nguyên tắc xác định giảm trừ gia cảnh, đối với người phụ thuộc, chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế. Xung quanh vấn đề

xác nhận để giảm trừ gia cảnh đòi hỏi Luật phải quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận gia cảnh và có trách nhiệm trong việc xác nhận gia cảnh như thế nào để tránh việc lách luật, trốn thuế. Ví dụ: một gia đình có 3 anh chị em, mỗi người sống một nơi và cả 3 đều xin xác nhận gia cảnh có cha, mẹ già yếu đang sống ở quê. Sau khi xác nhận, mỗi người nộp thuế ở một nơi và đều được giảm trừ gia cảnh. Như vậy, cơ quan thuế sẽ quản lý như thế nào bởi vì mỗi người sống mỗi nơi. Còn khi đưa về xã xác nhận thì xã xác nhận có cha mẹ đang sống ở quê chứ không thể xác nhận ai là người nuôi bố mẹ, hoặc thậm chí là cả ba người con đều gửi tiền về nuôi cha mẹ. Vậy cách chúng ta quản lý như thế nào để đảm bảo sự công bằng, tránh việc lợi dụng vấn đề mà nảy sinh tiêu cực. Nếu không quy định chặt chẽ dễ xảy ra hiện tượng là một người phụ thuộc mà mấy người nộp thuế đều được giảm trừ gia cảnh.

Mặt khác nữa, đối với những đối tượng giảm trừ gia cảnh là bố, mẹ hoặc những người phụ thuộc khác đã cao tuổi, khi họ chết người nộp thuế không tự nguyện khai báo với cơ quan thuế dẫn đến tình trạng giảm trừ không đúng. Vì vậy nhà làm luật cần quy định một ngưỡng tuổi nhất định ví dụ đến 90 tuổi hoặc 100 tuổi người nộp thuế phải nộp thêm một xác nhận của chính quyền địa phương về việc đang trực tiếp nuôi dưỡng những người phụ thuộc. Có như vậy mới tránh được tình trạng nêu trên.

Theo pháp luật Việt Nam, các khoản chi phí như: thuê nhà, tiền đi lại... không được coi là tiền được tính giảm trừ, trong khi thực tế cho thấy số tiền trên chiếm tỷ lệ khá lớn trong thu nhập của người lao động đặc biệt với người lao động xa gia đình. Đối với những lao động xa nhà, chi phí đi lại và thời gian đi lại là một vấn đề đáng lưu tâm, đặc biệt trong những dịp lễ tết. Thiết nghĩ, đối với những đối tượng này nếu có giấy tờ, biên lai hoặc các loại vé tàu xe chứng minh được khoản chi trên là đúng sẽ là căn cứ để được giảm trừ khi tính thuế.

Đối với cha mẹ, ông bà đã hết tuổi lao động thì thông thường thu nhập sẽ rất thấp hoặc có thể không có, nhưng những người này có thể đã tích lũy được số tài sản rất lớn, đủ để nuôi sống họ suốt đời. Nên nếu đưa vào Luật Thuế thu nhập cá nhân những người này là đối tượng phụ thuộc thì sẽ không đảm bảo nguyên tắc công bằng và không đúng ý nghĩa của cụm từ “đối tượng phụ thuộc”. Vì vậy, theo chúng tôi, những người này phải có trách nhiệm kê khai là không có tài sản gì để đảm bảo nguồn sống ở dưới mức thu nhập GDP bình quân đầu người thì mới được xem xét là đối tượng phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh cho những đối tượng trực tiếp nuôi dưỡng.

Hiện nay, việc áp dụng giảm trừ gia cảnh chỉ áp dụng đối với những cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công mà không áp dụng đối với những người có thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, từ trúng thưởng, từ nhượng quyền thương mại, từ thừa kế, quà tặng trong Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 là không đảm bảo công bằng về mặt đối xử với những cá nhân trong xã hội. Vì mỗi cá nhân đều phải chi tiêu cho nhu cầu sống của bản thân và những người phụ thuộc, việc lựa chọn nghề nghiệp để mưu sinh là tùy vào bản thân người đó. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều hướng tới sự phát triển con người và gia đình của họ. Trong thực tế, đa số nhà đầu tư chứng khoán, bất động sản ở Việt Nam là những nhà đầu tư nhỏ lẻ. Nên để tạo ra sự công bằng cho các cá nhân nộp thuế cần đưa ra quy định: tất cả các cá nhân cư trú có thu nhập thì đều được giảm trừ gia cảnh khi tính thu nhập chịu thuế.

Như vậy, với mục tiêu quan trọng hàng đầu mà chính sách thuế thu nhập cá nhân hướng tới là đảm bảo phân phối thu nhập công bằng, Luật thuế thu nhập cá nhân đã đề ra một số điểm mới quan trọng như: đưa thu nhập của hộ kinh doanh cá thể, thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất của cá nhân vào diện chịu thuế, đề ra mức giảm trừ gia cảnh, thống nhất biểu thuế của

người Việt Nam và người nước ngoài. Thiết nghĩ, một chính sách thuế thu nhập cá nhân đúng đắn, hợp lòng dân thì phải thực hiện tốt vai trò căn bản và quan trọng là đảm bảo phân phối thu nhập công bằng. Muốn vậy, nếu coi chính sách thuế đúng đắn là điều kiện cần thì công tác quản lý thuế phải được thực hiện tốt sẽ được coi là điều kiện đủ để hoàn thiện Luật thuế thu nhập cá nhân. Nếu thực hiện tốt những điều kiện trên thì chắc chắn cùng với ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế của người dân được nâng cao cùng với biện pháp quản lý tốt, tôi tin chắc rằng Luật thuế thu nhập cá nhân nói chung và quy định về căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân nói riêng sẽ thực sự đi vào cuộc sống.

## KẾT LUẬN

Thuế thu nhập cá nhân được đưa vào áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, sau 5 năm đi vào cuộc sống Luật thuế TNCN đã gặt hái được nhiều thành công song cũng bộc lộ không ít bất cập. Khắc phục được những hạn chế của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, loại bỏ những quy định không phù hợp, lặt vặt thay vào đó là những quy định có tính tương đồng cao với pháp luật quốc tế, Luật thuế thu nhập cá nhân được người dân đón nhận và đem lại nguồn thu đáng kể cho nguồn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khi tình hình kinh tế biến đổi theo chiều hướng phức tạp, lạm phát và kinh tế bất ổn khiến giá cả ngày càng leo thang đòi hỏi Luật thuế cũng cần có những chuyển biến nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế. Là linh hồn của một sắc thuế, căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân thời gian đầu đã chứng tỏ được sự đúng đắn của các nhà làm luật khi đưa ra những quy định tương đối tinh tế thể hiện một cái nhìn có chiều sâu. Tuy nhiên, để thuế TNCN phát huy được tốt nhất vai trò trong việc đảm bảo công bằng xã hội, điều tiết thu nhập của mọi tầng lớp dân cư một cách hợp lý, bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế thì việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung là hết sức cần thiết, góp phần tăng tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực, các nước có điều kiện tương đồng với nước ta, phù hợp với xu thế cải cách thuế và thông lệ quốc tế.

Trong quá trình sửa đổi, luật thuế cũng cần xác định rõ mục tiêu đầu tiên là đảm bảo công bằng xã hội, tiếp đến là tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Nếu hai mục tiêu trên song hành sẽ rất khó thực hiện. Hơn nữa, nguyên tắc sửa đổi phải đảm bảo sự đồng bộ, phù hợp với các đạo luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đảm bảo và phát huy quyền tự do kinh doanh của người dân, kích thích sự phát triển của mọi thị trường, phù hợp với các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước. Điều này là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo sự bình đẳng về nghĩa vụ thuế của người dân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tiếng việt

#### \* Giáo trình, sách tham khảo và tạp chí:

1. Ths. La Thị Tuyết Anh (2011), *Thực tiễn thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và định hướng hoàn thiện*, Đại học Luật Hà Nội;
2. Bách khoa từ điển.
3. Bộ Tài Chính (2012), *Kinh nghiệm cải cách thuế thu nhập cá nhân của một số nước trên thế giới*;
4. Ts. Lê Nguyệt Châu (2010), *Giáo trình luật tài chính 2*, trang 22-26, NXB Tài Chính;
5. Trần Minh Đức (2008), “Một số vấn đề về nguyên tắc công bằng trong pháp luật về thuế thu nhập cá nhân”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, (số 12), trang 56-60;
6. Ths. Trần Vũ Hải (2007), “Thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay và phương hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Luật học*, (Số 10), trang 27-35;
7. Nguyễn Thị Lan Hương (2011), “Ưu tiên quyền lợi của người nộp thuế khi sửa đổi luật thuế thu nhập cá nhân”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, (Số 7), trang 50-56;
8. Nguyễn Thu Hằng, Đào Ngọc Tiến (2011), “Thuế thu nhập cá nhân của Anh và một số bài học đối với Việt Nam”, *Tạp chí kinh tế đối ngoại*, (Số 15), trang 34-37;
9. Nguyễn Thị Lan (2008), “Về giảm trừ gia cảnh trong luật thuế thu nhập cá nhân nhìn từ góc độ bình đẳng giới”, *Tạp chí Luật học*, (Số 3), trang 31-35;
10. Nghị quyết Đại Hội Đảng XI và X;

11. Lê Thị Kim Nhung (2011), “Thuế thu nhập cá nhân sau 2 năm thực hiện một số bất cập nảy sinh và hướng giải quyết”, *Tạp chí Ngân hàng*, (Số 4), trang 42-46;
12. Phòng Phân tích và Dự báo thị trường Trung tâm NCKH-ĐTCK (UBCKNN) (2011), *Đánh giá thuế thu nhập với cổ tức, thực tiễn thế giới và gợi ý với Việt Nam*;
13. Dương Anh Sơn (2007), “Đối tượng nộp thuế và thu nhập chịu thuế”, *Hội thảo về thuế TNCN của Tổng cục Thuế tại TP. Hồ Chí Minh*, trang 35-37;
14. Ts. Lê Thị Thu Thủy (2009), “Những vấn đề đặt ra khi thực thi luật thuế thu nhập cá nhân Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, (Số 4), trang 67-71;
15. Nguyễn Thanh Tuyền và Nguyễn Ngọc Thanh (2001), *Giáo trình Thuế*, trang 139, NXB Thống kê, Hà Nội;
16. Nguyễn Thị Kim Tuyền, Phan Mỹ Hạnh (1998), *Hệ thống chính sách thuế Việt Nam hiện hành*, trang 267-305, NXB Thành phố Hồ Chí Minh;
17. Thời báo kinh tế Sài Gòn (năm 2007), *Thử tìm một cách tiếp cận khác đối với Dự thảo Thuế thu nhập cá nhân*, Số 26, trang 18-19;
18. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006, trang 245;
19. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006, trang 169;
20. Viện nghiên cứu và phổ biến tri thức Bách Khoa (1998), *Đại từ điển kinh tế thị trường*, trang 669, Hà Nội;

## **II. Tiếng Anh**

21. Arthur Andersen (2000), *Asia and the Pacific - A TaxTour 2000*, trang 163-164;
22. Haig-Simons (2002-2003), *Taxation in developing countries, Fullbright Economics Teaching Program*, trang 10;

23. Kath Nightingale (2000), *Taxation-Theory and Practice*, Prentice Hall, trang 11;
24. The influence of European law on direct taxation, *Recent and future developments editor, Dennis Weber*, trang 115-117

\* **Webside**

25. Phát biểu của chủ tịch ủy ban Thuế của chính phủ Nhật Bản, trên [www.vibonline.com.vn](http://www.vibonline.com.vn);
26. [www.tncnonline.com.vn](http://www.tncnonline.com.vn);
27. <http://www.gdt.gov.vn>;
28. <http://www2.gol.com/users/jpc/Japan/taxes.htm>;
29. [http://www.novexcn.com/personal\\_icm\\_tax\\_99.html](http://www.novexcn.com/personal_icm_tax_99.html);
30. <http://www.ktdt.com.vn/newsdetail.asp?NewsId=185110&CatId>;
31. <http://nhadat.thanhvien.com.vn/tinchitiet/1/1046/trao-quyen-lua-chon-cho-nguoi-nop/>;
32. <http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=358156>
33. [http://investtaiwan.nat.gov.tw/matter/show\\_eng.jsp](http://investtaiwan.nat.gov.tw/matter/show_eng.jsp);
34. [www.taxworld.org](http://www.taxworld.org): History of taxation;
35. [http://duthaonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT\\_DUTHAO\\_LUAT/View\\_Detail.aspx?ItemID=472&TabIndex=2&TaiLieuID=767](http://duthaonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=472&TabIndex=2&TaiLieuID=767)
36. <http://www.efile.com/tax-rate/federal-income-tax-rates>;